



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

12

Tháng 6 - 2016

HỘI NGHỊ BÀN TRÒN CÁC ĐỐI TÁC TIỀM NĂNG CỦA DỰ ÁN CẤP NƯỚC AN TOÀN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2016



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì Hội nghị



Ông Ousmane Dione - Giám đốc Chương trình Nước khu vực Đông Á - Thái Bình dương của WB phát biểu chào mừng Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

12

SỐ 12 - 6/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 5
- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065 6
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 8
- Chương trình hành động của Đảng bộ Bộ Xây dựng thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng 10

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp trong việc thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LÝ

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo chuyên đề “Công nghệ kiểm soát ăn mòn cho các công trình thoát nước” 16
- Nghiệm thu đề tài hoàn thiện, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình 18
- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép” 19
- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn TCVN: Kết cấu bê tông cốt sợi thép - tiêu chuẩn thiết kế” 20
- Bộ Xây dựng nghiệm thu Dự thảo TCVN...:2016 của Hội bê tông Việt Nam 21
- Hội thảo Nghiên cứu phát triển vật liệu kính tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam 23
- Tăng cường xử lý tro xỉ làm nguyên liệu sản xuất VLXD 25
- Nhà thụ động - giải pháp tiết kiệm tích cực 26

Thông tin

- Hội nghị bàn tròn các đối tác tiềm năng của Dự án cấp nước an toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long 29
- 20 Công trình được nhận Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2015 30
- Dự án Đầu tư xây dựng Đại học quốc gia Hà Nội nỗ lực bám sát tiến độ 32
- Bắc Kinh: Từ nâng cao năng lực quản lý và quy hoạch đô thị đến thực hiện xử lý rác thải sinh hoạt đô thị 33
- Phát triển nhà ở xã hội ở các nước châu Âu 35
- Quy hoạch quản lý rác thải công trường - Hướng dẫn dành cho nhà thầu xây dựng và khách hàng 39
- Trung Quốc cần tăng cường quản lý đô thị để bắt kịp tốc độ phát triển đô thị 42
- Kinh nghiệm xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tại tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc 44
- Một số công trình kiến trúc tháp cổ nổi tiếng ở Trung Quốc 45

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035**

Ngày 07 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1020/QĐ-TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035.

Theo Quyết định này, phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ phạm vi trong địa giới hành chính của thị xã Kỳ Anh, bao gồm diện tích Khu kinh tế Vũng Áng, phía Đông và phía Bắc giáp Vịnh Bắc Bộ (biển Đông), phía Tây giáp huyện Kỳ Anh, phía Nam giáp Quảng Bình. Quy hoạch được chia làm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 đến năm 2025, giai đoạn dài hạn đến năm 2035.

Mục tiêu của Quy hoạch để đề xuất các giải pháp quy hoạch đô thị cho toàn thị xã Kỳ Anh, bao gồm cả quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng, và đề xuất các điều chỉnh đối với các khu chức năng khác thuộc phạm vi Khu kinh tế Vũng Áng, để phát huy tiềm năng và lợi thế tổng thể của toàn thị xã, phát triển tốt những ngành mũi nhọn, đảm bảo tương quan bền vững tổng thể và hài hòa của toàn nền kinh tế, môi trường và xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch.

Với quan điểm ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ cảng biển, phát triển hài hòa các ngành kinh tế khác để hỗ trợ phát triển công nghiệp, đảm bảo đô thị phát triển, bền vững; phân bố không gian hợp lý, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế; bảo vệ và tôn tạo các giá trị cảnh quan thiên nhiên, tạo cấu trúc không

gian đặc trưng cho đô thị và tạo bản sắc đô thị.

Về tính chất đây là khu trung tâm kinh tế tổng hợp phía Nam của Hà Tĩnh, trọng tâm là khu kinh tế Vũng Áng, với các ngành kinh tế chủ đạo là công nghiệp và dịch vụ cảng biển, kết hợp hài hòa với các ngành kinh tế du lịch, dịch vụ, nông - lâm nghiệp; là đô thị có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ.

Dự kiến đến năm 2035 dân số dự báo khoảng 210.000 người, dân số nội thị khoảng 155.000 người. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được lựa chọn theo tiêu chuẩn đô thị loại II, đảm bảo phù hợp với các chủ trương, định hướng quy hoạch phát triển có liên quan và phù hợp với các điều kiện thực tế tại địa phương.

Các nội dung nghiên cứu quy hoạch gồm phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, các tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; khớp nối các quy hoạch đang được triển khai trên địa bàn; đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị. Xác định mục tiêu, động lực phát triển tính chất, quy mô dân số, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, kỹ thuật. Quy hoạch sử dụng đất, cấu trúc tổ chức không gian và thiết kế đô thị, đảm bảo phát huy giá trị và tiềm năng của đô thị, phát huy tiềm năng khu kinh tế Vũng Áng, nâng cấp các khu dân cư hiện hữu, cũng như tạo ra các không gian phát triển kinh tế mới.

Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm quy hoạch san nền, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, nghĩa trang, cấp điện, thông tin - liên lạc.

Quyết định này cũng quy định định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn cần đánh

giá môi trường chiến lược, đề xuất các giải pháp ưu tiên đầu tư, dự thảo quy định phát triển đô thị theo đồ án quy hoạch chung.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065

Ngày 08 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1026/QĐ-TTg, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065.

Toàn bộ địa giới tỉnh Thanh Hóa phía Bắc giáp các tỉnh Sơn La, Hòa Bình và Ninh Bình, phía Nam giáp tỉnh Nghệ An, phía Tây giáp tỉnh Hòa Bình của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, phía Đông là Vịnh Bắc Bộ. Tỉnh Thanh Hóa có 27 đơn vị hành chính gồm 1 thành phố tỉnh lỵ loại I và 2 đô thị loại III trực thuộc tỉnh, 24 huyện, với tổng diện tích tự nhiên 11.129,48 km², dân số khoảng 3,513 triệu người, chiếm 3,36% diện tích và 3,86% dân số cả nước.

Mục tiêu của Điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh để phát huy tiềm năng, lợi thế và vị trí chiến lược, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng, quan hệ quốc tế và các thế mạnh về đầu mối giao thông, công nghiệp, du lịch, nông lâm nghiệp của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện, từng bước tạo sự chuyển biến về chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh hiệu quả của nền kinh tế, phấn đấu đến năm 2020 trở thành tỉnh khá của cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp; xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ hợp lý, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, tập trung phát triển các vùng kinh tế động lực gồm khu kinh tế Nghi Sơn, thành

phố Thanh Hóa - Sầm Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng..., đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn, kết hợp chặt chẽ đảm bảo an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội; là cơ sở để phát triển khai lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng; xây dựng các chương trình phát triển đô thị.

Dự báo đến năm 2025 dân số toàn vùng khoảng 3.750.000 người, dân số nội thị 1.687.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 45%; dự báo đến năm 2035 có khoảng 4.050.000 người, dân số nội thị khoảng 2.227.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 55%. Về quy mô đất đai, dự báo quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 22.000 ha, đến năm 2030 khoảng 28.500 ha, đến năm 2035 khoảng 32.000 ha. Đối với đất đai công nghiệp đến năm 2020 khoảng 5.000 ha.

Về nội dung nghiên cứu cần nghiên cứu mối liên hệ giữa Thanh Hóa với các vùng lân cận, nêu rõ tiềm năng lợi thế của tỉnh trong tổng thể liên kết về không gian, kinh tế, xã hội, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia, đặc thù của từng vùng miền trong tỉnh; đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp quốc gia, các dự án cấp tỉnh; đánh giá khu vực miền núi phía Tây, các khu vực bãi ngang ven biển.

Về định hướng phát triển không gian vùng: các dự báo chiến lược của Quốc gia về phát triển kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Đối với vùng đô thị trung tâm, bao gồm thành phố Thanh Hóa là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế, an ninh quốc phòng, tập trung các hoạt động thương mại và trung tâm du lịch.

Đối với các vùng kinh tế động lực còn lại gồm trục quốc lộ 1A ưu tiên phát triển các khu công nghiệp xanh, sạch, hình thành các trung tâm dịch vụ, các cơ sở đào tạo nghề và y tế chất lượng cao; trục đường Hồ Chí Minh, với hạt nhân là đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, và các dự án chế biến nông lâm sản, sản xuất VLXD, chế biến khoáng sản; trục quốc lộ 45 và 47 hình thành các đô thị tập trung hiện đại, các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các khu công nghệ cao; đối với các đô thị phân bố hệ thống đô thị, đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh; đối với các điểm dân cư nông thôn xây dựng mô hình dân cư theo tiêu chuẩn “Nông thôn mới”.

Đối với các vùng sản xuất công nghiệp phân bố các vùng công nghiệp chuyên ngành và vùng công nghiệp đa ngành với 4 động lực kinh tế và 3 trục kinh tế đã xác định. Đối với các khu sản xuất nông, lâm ngư nghiệp xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; phân bố các vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất chuyên canh lớn, sản xuất tập trung. Đối với các vùng du lịch phát triển theo hướng dịch vụ du lịch biển, nghỉ dưỡng tại Sầm Sơn, Hoằng Hóa, Tĩnh Gia, du lịch gắn với di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, Di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh, hang Con Moong, đền Bà Triệu, du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Bến En, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu...

Về định hướng phát triển giao thông, cần xác định mô hình khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên

kết các vùng kinh tế động lực của tỉnh, lựa chọn khung giao thông để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới; các giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu tăng cao trong thời kỳ phát triển mới, nêu định hướng khai thác thế mạnh giao thông đường thủy của sông Chu, sông Mã và biển Đông.

Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất; xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối; các giải pháp giải quyết vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Đối với vấn đề cấp nước cần nghiên cứu mô hình và công suất các công trình đầu mối cấp nước; bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị trung tâm, đô thị đối trọng và các đô thị vệ tinh khác; các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm. Đối với quy hoạch cấp điện, bổ sung nhu cầu phụ tải điện, đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới tái tạo.

Đối với việc quản lý chất thải rắn, nước thải và nghĩa trang cần điều chỉnh bổ sung công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm, bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn và nghĩa trang cấp vùng.

Bên cạnh đó, Đề án Quy hoạch tổng thể tỉnh Thanh Hóa cũng cần đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường; xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường bảo đảm các quy chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thời gian lập quy hoạch không quá 15 tháng từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035

Ngày 09 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1036/QĐ-TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035.

Theo Quyết định này, phạm vi, ranh giới quy hoạch bao gồm toàn tỉnh Bắc Kạn trên phạm vi 8 đơn vị hành chính: 01 Thành phố (Bắc Kạn); 07 huyện (Chợ Mới, Chợ Đồn, Bạch Thông, Ngân Sơn, Ba Bể, Na Rì, Pác Nặm), với tổng số 122 xã, phường, thị trấn; phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng.

Mục tiêu của Quy hoạch để cụ thể hóa mục tiêu quy hoạch chiến lược cấp quốc gia, quy hoạch vùng trung du miền núi phía Bắc, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh; khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, các thế mạnh về nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, năng lượng, khoáng sản, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan nhằm tạo lập môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn; tạo cơ sở hình thành hệ thống đô thị, phân loại, phân cấp đô thị, xác định tính chất đô thị cải tạo, xây mới, nâng cấp... lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng công nghiệp, du lịch, hệ thống hạ tầng xã hội, và các điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, du lịch... trong đó xác định các vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội theo hướng cân bằng và bền vững; tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong tỉnh, xây dựng các chương trình kế hoạch và hoạch định các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử

dụng hợp lý các nguồn lực. Bắc Kạn là khu vực có chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh; là một trong những trung tâm du lịch quốc gia: Sinh thái, văn hóa, lịch sử, dân tộc vùng núi phía Đông Bắc, nổi bật với du lịch sinh thái Vườn Quốc gia hồ Ba Bể, khu di tích cách mạng ATK; một trong những trung tâm kinh tế, đầu mối trung chuyển, giao lưu kinh tế - xã hội trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Mục tiêu phát triển vùng: Bắc Kạn phấn đấu trở thành một tỉnh có nền kinh tế phát triển, sẵn sàng đáp ứng sự phân công, hợp tác, chia sẻ liên kết về các động lực, cơ hội phát triển, mối quan hệ cung cầu cũng như trách nhiệm giải quyết các khó khăn và thách thức theo hướng hài hòa và bền vững; khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh của tỉnh về phát triển công - nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng; du lịch - dịch vụ để phát triển kinh tế; phát triển cân bằng giữa khu vực đô thị và nông thôn, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường đảm bảo quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị.

Dự kiến đến năm 2025 dân số toàn tỉnh khoảng 33 - 35 vạn người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 20 - 25%; đến năm 2035 dân số khoảng 36 - 40 vạn người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30 - 35%. Đến năm 2035 hệ thống đô thị của tỉnh Bắc Kạn phân bố hợp lý, tầng bậc, bao gồm 01 thành phố và các thị xã, thị trấn. Thành phố Bắc Kạn sẽ trở thành đô thị loại II, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa khoa học kỹ thuật của tỉnh Bắc Kạn, một thành phố tạo sức lan tỏa ảnh hưởng đến các đô thị khác trong tỉnh và trong vùng trung du và miền núi

Bắc Bộ; xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội của vùng tỉnh Bắc Kạn, tạo điều kiện cho các đô thị trong vùng phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực xung quanh về kinh tế, văn hóa - xã hội; thực hiện tăng trưởng xanh với mức độ phát thải carbon giảm dần, tiến tới tạo dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; bảo vệ các vùng cảnh quan thiên nhiên, các vùng sản xuất, bảo vệ môi trường và sinh thái tự nhiên, quy hoạch xây dựng phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, văn hóa và sắc thái đặc thù của từng vùng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Về việc phân vùng phát triển cần xác lập các phân vùng phát triển không gian, theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, vừa sử dụng hiệu quả các tiềm năng của địa bàn, phù hợp với phân vùng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020 bao gồm các phân vùng tập trung khu công nghiệp lớn cấp vùng, vùng đô thị hóa mạnh, các trục, hành lang đô thị hóa, các cực phát triển và quần cư đô thị hóa, xu hướng di dân; các phân vùng cảnh quan phải bảo toàn gắn dịch vụ du lịch; các phân vùng không gian nông lâm nghiệp, đô thị và nông thôn gắn công nghiệp vừa và nhỏ.

Đối với định hướng tổ chức không gian vùng cần có các định hướng lớn, chiến lược phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động đến không gian vùng tỉnh Bắc Kạn. Định hướng các vùng chức năng lớn, các trục hành lang kinh tế - không gian chủ đạo, tập trung của tỉnh trên cơ sở xem xét rà soát khung giao thông hiện có và dự kiến mới. Phân bố các khu, cụm sản xuất (công, nông, lâm nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại), các khu kinh tế tập trung, các điểm dân cư nông thôn.

Về hệ thống giao thông cần khớp nối định hướng phát triển giao thông vùng, quốc gia

(QL3, QL3B, QL279...) với hệ thống giao thông tỉnh Bắc Kạn; xác định các đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sông, bến bãi..., nhu cầu sử dụng đất các tuyến giao thông chính trên địa bàn tỉnh; xác định mạng lưới giao thông liên vùng, đảm bảo kết nối với các trục giao thông vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Thủ đô Hà Nội.

Đối với kỹ thuật đất xây dựng, cao độ nền đất thoát nước cần phân tích, đánh giá đặc điểm địa hình, địa mạo các tai biến địa chất như động đất, sụt lún, các nguy cơ thiên tai và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng; xác định quỹ đất thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp...; đề xuất các giải pháp về phòng chống và xử lý các tai biến địa chất, thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; xác định các yêu cầu về cao độ xây dựng và giải pháp san nền cho các khu vực xây dựng tập trung; xác định các giải pháp thoát nước cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

Quyết định này cũng đề xuất các giải pháp đối với vấn đề cấp nước, cấp điện. Về cấp nước cần xác định chất lượng nguồn nước, trữ lượng và đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất; cân bằng nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích khác nhau; xác định các chỉ tiêu và tiêu chuẩn áp dụng; dự báo tổng hợp các nhu cầu dùng nước (sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, dịch vụ...); các phương án kinh tế kỹ thuật chọn nguồn nước và phân vùng cấp nước; các giải pháp cấp nước cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng; các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

Về cấp điện cần xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn cấp điện; dự báo nhu cầu sử dụng điện (sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ...); xác định nguồn điện; các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phối điện, xác định cơ cấu lưới điện từ 110KV trở lên, điện áp và dung lượng từng

trạm biến áp từ 110KV trở lên; các giải pháp chính về quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị.

Đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cần xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cho hệ thống viễn thông; các công trình đầu mối viễn thông cấp vùng; các giải pháp cung cấp hệ thống viễn thông cho vùng, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành; các giải pháp quy hoạch hệ thống viễn thông cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng.

Đối với vấn đề thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang cần xác định các chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang theo loại đô thị; dự báo tổng khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang; lựa chọn hệ thống thoát nước thải cho các đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng lớn, tổ chức thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn; xác định quy mô các nhà máy xử lý nước thải, khu liên hợp xử lý chất thải rắn, nghĩa trang cấp vùng.

Quyết định này cũng đề cập đến đánh giá môi trường chiến lược bao gồm dự báo, đánh giá các tác động đối với môi trường của các phương án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, làm cơ sở lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu, đảm bảo phát triển bền vững; xác định các vấn đề môi trường vùng cần giải quyết; khuyến nghị các giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu trong đồ án quy hoạch. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển đô thị về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường đột đầu, sắp xếp danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên, yêu cầu về quy mô xây dựng, phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chương trình hành động của Đảng bộ Bộ Xây dựng thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

Ngày 07 tháng 6 năm 2016, Đảng ủy Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 24 - QĐ/ĐU, về các chương trình hành động của Đảng bộ Bộ Xây dựng thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ Bộ Xây dựng nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Chương trình hành động hướng tới các mục tiêu xây dựng Đảng và các chức năng, nhiệm vụ theo từng lĩnh vực. Đối với công tác xây dựng Đảng cần xây dựng tổ chức trong sạch, vững mạnh, gương mẫu và nâng cao năng lực công

tác của cán bộ, đảng viên. Về chức năng, nhiệm vụ phát triển ngành Xây dựng đạt trình độ tiến ngang tầm với các nước trong khu vực; tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; tăng cường kiểm soát, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, hiệu quả, phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội.

Chương trình hành động cũng đề ra nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị bao gồm nâng cao hiệu lực,

hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước; rà soát tổng thể, sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, phù hợp với thông lệ quốc tế; ban hành đầy đủ, kịp thời các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật; xây dựng và thực hiện nghiêm Chương trình soạn thảo văn bản QPPL giai đoạn 2016 - 2020; hệ thống hóa, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn...; cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, an toàn xây dựng; nâng cao năng lực của các cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng.

Trong việc xây dựng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng khung pháp lý và các công cụ, chính sách cụ thể để hoàn thiện và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư phát triển đô thị; điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội, vùng TP. Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Cửu Long... điều chỉnh các quy hoạch cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn, thực hiện tốt các đề án, dự án cấp quốc gia về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật...; thực hiện tốt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2016 - 2020; hoàn thiện định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, hiệu quả, thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực

hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, chú trọng phát triển nhà ở xã hội; thực hiện tốt Nghị định về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về nhà ở, bất động sản; đẩy nhanh tiến độ cải tạo các chung cư cũ xuống cấp, quá hạn sử dụng tại các đô thị, đặc biệt là tại Thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm cân đối cung - cầu bình ổn thị trường, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sử dụng chất thải sinh hoạt, phế thải công nghiệp làm nguyên nhiên liệu sản xuất các loại vật liệu xây dựng; phát triển mạnh vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao.

Thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng quản lý. Tái cơ cấu các doanh nghiệp ngành Xây dựng theo hướng xây dựng các sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn có tính chuyên môn hóa cao, chuyên biệt cao, xây dựng một số doanh nghiệp xây dựng trọng điểm phục vụ định hướng phát triển của Ngành; đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thực hiện liên kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản điều hành giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan của Chính phủ, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính như cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam, cấp chứng chỉ hành

nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản...

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Ngành; thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Ngành giai đoạn 2011 - 2020; trọng tâm là nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, chuyên gia kỹ thuật, công nhân lành nghề; xây dựng cơ chế tiền lương và các chế độ ưu đãi đối với người lao động trong Ngành.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế; thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, vật liệu xây dựng, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật; thực hiện cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, giao khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ thường xuyên theo chức năng; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, chủ động hội nhập quốc tế theo Chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế và kế hoạch của Chính phủ.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đặc biệt là các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí, các vi phạm về chất lượng công trình và trật tự xây dựng tại khu vực đô thị; tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là khiếu nại trong lĩnh vực nhà đất; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, tổ chức các chương trình thanh tra, kiểm tra hàng năm, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo.

Đối với công tác xây dựng Đảng, các cấp ủy đảng xây dựng, cụ thể hóa vào chương trình hành động, kế hoạch công tác, phân công cấp ủy viên nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức

nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối nghị quyết của Đảng. Cấp ủy các cấp tích cực nắm tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, phân công đảng viên có kinh nghiệm, đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý thường xuyên kèm cặp theo dõi đảng viên trẻ, đảng viên trong thời gian thi hành kỷ luật; phối hợp với cơ quan chuyên môn để nắm tình hình chính trị nội bộ và kết quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở đơn vị; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh, thực hiện nghiêm túc các quy định của Điều lệ Đảng; hoàn thiện việc thành lập Văn phòng Đảng - Đoàn thể theo Quy định số 215-QĐ/TW của Ban Bí thư về “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương”; phát huy tinh thần dân chủ và sự giám sát của cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng Quy chế nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là bí thư cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo tinh thần Quy định 101-QĐ/TW của ban Bí thư Trung ương Đảng “về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng, nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng; thực hiện những giải pháp nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Lãnh đạo Công đoàn và Đoàn thanh niên làm nòng cốt trong các phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết, ứng xử có văn hóa và thực hiện nếp sống văn hóa trong cơ quan, đơn vị.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp trong việc thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh**

Ngày 08 tháng 3 năm 2016, UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp trong việc thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này áp dụng cho các đối tượng bao gồm Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Tư pháp, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Cục Thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan quản lý các lĩnh vực: Nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường thuộc UBND cấp huyện; Chi Cục thuế cấp huyện; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nguyên tắc phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cần bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, kịp thời, công khai, minh bạch; xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức; nội dung, thời hạn, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị và trách nhiệm, quyền hạn của công chức, viên chức.

Việc phối hợp giữa các cơ quan tùy theo tính

chất, nội dung công việc cần phối hợp; các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời, xác nhận bằng văn bản theo thời hạn, nội dung đề nghị của cơ quan chủ trì; trường hợp quá thời hạn trả lời ý kiến mà cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem là thống nhất với ý kiến của cơ quan chủ trì lấy ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu có thiếu sót, vi phạm xảy ra liên quan đến nội dung đã lấy ý kiến; trong trường hợp cần thiết phải tổ chức họp lấy ý kiến thì đơn vị chủ trì lập biên bản ghi nhận đầy đủ các ý kiến góp ý làm cơ sở tham mưu cấp thẩm quyền quyết định. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm cử người đi họp có chuyên môn phụ trách phù hợp với nội dung cuộc họp, ý kiến phát biểu của người được cử đi họp được xem là ý kiến chính thức của thủ trưởng đơn vị.

Phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước đối với loại tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là cơ quan liên quan) theo phân cấp của UBND tỉnh.

Phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai với cơ quan thuế được thực hiện trong quá trình cấp Giấy chứng nhận nếu phải xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các loại thuế có liên quan đến đất đai, tài sản và lệ phí trước bạ; Văn phòng Đăng ký Đất đai ghi đầy đủ các chỉ tiêu vào Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và gửi Phiếu chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phiếu chuyển thông tin địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai thì cơ quan thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và thông báo cho Văn phòng Đăng ký đất đai.

Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường về giao đất, cho thuê đất, thu hồi và gia hạn thời gian sử dụng đất. Trong trường hợp này phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ, chuyển Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc trích lục bản đồ hoặc trích đo địa chính, trích sao hồ sơ địa chính trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc và chuyển hồ sơ lại cho phòng chuyên môn nghiệp vụ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, gia hạn thời gian sử dụng đất. Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi có Quyết định của UBND tỉnh, Phòng chuyên môn nghiệp vụ chuyển hồ sơ có liên quan đến Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện các thủ tục theo quy định.

Đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép thì chuyên môn phòng nghiệp vụ tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ; Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trích lục bản đồ hoặc trích đo địa chính, trích sao hồ sơ địa chính trong thời hạn 07 ngày làm việc; phòng chuyên môn nghiệp vụ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi có Quyết định của UBND tỉnh, Phòng chuyên môn nghiệp vụ chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai để chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có) và thực hiện các thủ tục theo quy định.

Về chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất:

Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh quyết định. Sau khi được UBND tỉnh đồng ý, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Phòng chuyên môn nghiệp vụ chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai, để chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính; Văn phòng Đăng ký đất đai ký chỉnh lý giấy chứng nhận hoặc trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp mới Giấy chứng nhận.

Về cấp giấy chứng nhận cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài mà chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định thì văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ, thực hiện trích lục bản đồ hoặc trích đo địa chính, trích sao hồ sơ địa chính; đo đạc xác định tài sản gắn liền với đất; chuyển toàn bộ hồ sơ đến phòng chuyên môn nghiệp vụ. Phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện việc thẩm tra hồ sơ, báo cáo lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh xử lý theo quy định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi có kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền, phòng chuyên môn nghiệp vụ chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện các công việc chuyên môn theo quy định.

Việc phối hợp trong công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất: UBND xã có trách nhiệm xác nhận vào đơn và gửi hồ sơ cho văn phòng đăng ký đất đai trong trường hợp hồ sơ đủ giấy tờ theo quy định; đối với hồ sơ không có giấy tờ theo quy định, trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xét duyệt, niêm yết công khai (đối với hồ sơ phải niêm yết), xác nhận vào đơn và gửi hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh.

Đối với cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp cấp huyện, trong quá trình kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận,

trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có sự thay đổi nhiều so với giấy tờ theo quy định thì Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh gửi phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp cấp huyện hoặc mời cùng phối hợp để kiểm tra hiện trạng tài sản theo quy định.

Chi cục thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính, nhận phiếu chuyển thông tin địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận theo thẩm quyền. UBND cấp huyện có trách nhiệm ký cấp Giấy chứng nhận do Phòng Tài nguyên và Môi trường theo thẩm quyền và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

Phối hợp trong đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, UBND cấp xã có trách

nhiệm kiểm tra, xác nhận đơn và chuyển hồ sơ đến Chi nhánh. Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh phải hoàn tất hồ sơ và trả kết quả cho người sử dụng đất trong thời hạn không quá 15 ngày. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, xác minh hiện trạng hoặc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, trình hồ sơ cho UBND huyện cùng cấp; ký Hợp đồng thuê đất (nếu có) trong thời hạn 07 ngày làm việc. UBND cấp huyện ký Quyết định (văn bản) cho gia hạn sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần; từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất... trong thời gian 02 ngày làm việc.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.binhdingh.gov.vn)

Hội thảo chuyên đề “Công nghệ kiểm soát ăn mòn cho các công trình thoát nước”

Ngày 20/6/2016 tại Hà Nội, trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT), Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và công ty Hinode Nhật Bản đã phối hợp tổ chức Hội thảo chuyên đề “Công nghệ kiểm soát ăn mòn cho các công trình thoát nước”. PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng đến dự và chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các chuyên gia của Việt Nam và Nhật Bản đến từ các Viện nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cho biết, trong những năm gần đây, hệ thống cấp thoát nước các đô thị Việt Nam ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng, góp phần quan trọng trong cải thiện môi trường. Mạng lưới thoát nước tại các đô thị chủ yếu được xây dựng bằng bê tông cốt thép và trong quá trình sử dụng hay bị hư hỏng bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do ăn mòn.

Đánh giá cao kinh nghiệm cũng như công nghệ của Nhật Bản về kiểm soát ăn mòn đối với các công trình thoát nước, qua các công nghệ và sản phẩm được giới thiệu tại Hội thảo này, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến mong rằng các kỹ thuật và sản phẩm Nhật Bản nói chung, của công ty Hinode nói riêng sẽ được áp dụng tại Việt Nam, góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng cấp thoát nước của Việt Nam.

Thay mặt đơn vị đồng tổ chức Hội thảo, ông Yasuhiro Haraguchi - Giám đốc Công ty TNHH Hinode đã có bài phát biểu chào mừng và giới thiệu về công ty Hinode. Ông Yasuhiro Haraguchi cho biết, công ty TNHH Hinode được thành lập từ năm 1919, có trụ sở chính tại thành phố Fukuokashi. Hiện nay, công ty có 22 văn



Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến phát biểu khai mạc Hội thảo



Giám đốc Công ty TNHH Hinode Yasuhiro Haraguchi phát biểu chào mừng Hội thảo

phòng tại Nhật Bản, 4 nhà máy, 5 cơ sở và 01 viện nghiên cứu. Các sản phẩm của công ty Hinode bao gồm các chủng loại nắp cống, nắp hố ga, hộp van ống nước, nắp hộp kỹ thuật, nắp máng xả nước, các sản phẩm bê tông polyme có tính năng kháng ăn mòn cao.

Tại Hội thảo, các chuyên gia Nhật Bản và Việt Nam đã trao đổi chuyên sâu về những nghiên cứu và kỹ thuật chống ăn mòn cho hệ thống thoát nước đô thị, trong đó có tham luận của GS.TS. Hiroaki Morita - Đại học Tổng hợp Nihon giới thiệu các công nghệ kiểm soát ăn mòn áp dụng tại Nhật Bản; tham luận của PGS.TS Trần Đức Hạ - Đại học Xây dựng Hà Nội về kiểm soát ăn mòn sunfua trong hệ thống thoát nước; tham luận của ông Isao Eto - Công



Giáo sư Hiroaki Morita - Đại học Tổng hợp Nihon trình bày tham luận tại Hội thảo

ty Hinode giới thiệu công nghệ kiểm soát ăn mòn bằng vật liệu bê tông polyme.

Theo GS. Morita, ăn mòn đường ống do H_2S trong nước thải là vấn đề nan giải hiện nay. Do nước thải một khi tồn tại trong môi trường kỵ khí, không có oxy trong thời gian dài thì các vi khuẩn kỵ khí sẽ sinh sôi và hình thành nên khí H_2S . Bằng việc nước thải bị khuấy đảo liên tục, khí H_2S sẽ phát tán ra không khí và chuyển hóa thành axit sunfuric (H_2SO_4) gây ăn mòn đường ống. Tốc độ ăn mòn đường ống thường xảy ra khá nhanh, chỉ cần chưa đến 10 năm, đường ống sẽ bị phá hủy do ăn mòn.

Trong nghiên cứu của mình, GS. Trần Đức Hạ đưa ra các giải pháp để chống ăn mòn các công trình thoát nước và hạn chế mùi hôi từ nước thải và bùn cặn phát tán ra môi trường bằng cách hạn chế sự hình thành khí H_2S trong hệ thống thoát nước thông qua các biện pháp hóa - lý, sinh học gây ức chế sự hình thành và loại bỏ sunfua; giảm thiểu phát tán H_2S ra môi trường và kiểm soát ăn mòn bê tông bởi axit sunfuric. Theo GS. Trần Đức Hạ, giải pháp chủ yếu để kiểm soát xâm thực công trình thoát nước là cách ly bê tông xi măng portland với môi trường khí H_2S ngưng tụ. Phương pháp này được thực hiện bằng cách xử lý bề mặt ngoài công trình bê tông bằng chất tạo màng và chất trám để ngăn sự thấm của ion SO_4 từ môi trường bên ngoài vào kết cấu bê tông. Các chất tạo màng cho khả năng sử dụng là urethan,



Toàn cảnh Hội thảo

neopren hoặc epoxy, các chất trám thường sử dụng các hợp chất họ silic phủ vào bề mặt công trình tại những vị trí dễ tiếp xúc với khí H_2S .

Các chuyên gia của Nhật Bản tại Hội thảo này đã giới thiệu công nghệ chống ăn mòn hệ thống thoát nước của Nhật Bản, bao gồm giải pháp chống ăn mòn nắp cống và đường ống, trong đó đặc biệt nhấn mạnh những ưu điểm của đường ống làm bằng bê tông polyme có khả năng kháng axit, chống bám cặn, có độ bền cao và khả năng chịu tải tốt. Theo các nhà khoa học Nhật Bản, chi phí vòng đời công trình sử dụng bê tông polyme sẽ giảm khoảng 37% so với chi phí cho công trình bằng bê tông xi măng thông thường.

Phát biểu tổng kết hội thảo, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến bày tỏ cảm ơn các chuyên gia Nhật Bản và Việt Nam đã có những tham luận hết sức bổ ích và thiết thực, mang lại thành công cho Hội thảo. Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cảm ơn Bộ MLIT, Tổ chức JICA trong thời gian qua đã phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ Bộ Xây dựng rất nhiều trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, đồng thời mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự trợ giúp của MLIT, JICA trong việc hoàn thiện tài liệu Hướng dẫn về khoan kích ống ngầm, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực này, cũng như giới thiệu và chia sẻ các kinh nghiệm, công nghệ về xử lý bùn cặn, hỏa táng...

Minh Tuấn

Nghiệm thu đề tài hoàn thiện, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình

Ngày 22/6/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài hoàn thiện, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm thực hiện đề tài, báo cáo với Hội đồng nghiệm thu, Th.S Vũ Hoàng Ngọc - chủ nhiệm đề tài cho biết, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành Xây dựng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình đã được Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng và Đô thị (AMC) triển khai ở nhiều nơi trong những năm qua. Nội dung tài liệu của các chuyên đề trong chương trình này cũng thường xuyên được cập nhật và chỉnh sửa. Tuy nhiên, từ năm 2008 trở lại đây, hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến các hoạt động xây dựng liên tục được cập nhật, chuyển đổi và thay thế các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng trước đây, mới nhất là Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. Vì vậy, việc hoàn thiện, bổ sung chương trình, tài liệu “Bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình” là hết sức cấp bách và hoàn toàn cần thiết.

Mục tiêu của đề tài là hoàn thiện, bổ sung chương trình, tài liệu giảng dạy để trang bị cập nhật cho các cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác chuyên môn những kiến thức cơ bản, mới nhất cũng như những kinh nghiệm thực tiễn về công tác giám sát thi công xây dựng công trình hiện nay trên cơ sở đảm bảo về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và không những đáp ứng được tiêu chí phù hợp với các văn bản QPPL hiện hành mà còn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho dự án.

Để đạt được mục tiêu tổng quát trên, đề tài



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

tập trung vào một số mục tiêu cụ thể bao gồm cập nhật các văn bản QPPL hiện hành (nhất là các văn bản QPPL mới được ban hành) trong các hoạt động đầu tư xây dựng; cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng mới ban hành; cập nhật các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu, các tiêu chuẩn phương pháp thử, các tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật,... mới được công bố; cập nhật, bổ sung một số công nghệ thi công hiện đại.

Đề tài này thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện 06 học phần bao gồm phần I kiến thức chung; phần II giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; phần III giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; phần IV giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; phần V giám sát thi công xây dựng công trình điện; phần VI giám sát thi công xây dựng công trình bưu chính viễn thông; 32 chuyên đề, với tổng thời lượng 200 tiết. Việc hoàn thiện và bổ sung chương trình trên nội dung tài liệu hiện có phục vụ cho chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Giám sát thi công xây dựng công trình theo chương trình khung ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BXD. Bên cạnh đó, tài liệu

cũng bổ sung thêm nội dung giám sát cho phù hợp với các văn bản QPPL, các QCKT mới ban hành, các Tiêu chuẩn mới công bố, vật liệu, thiết bị, công nghệ mới sử dụng cho công trình xây dựng.

Phát biểu tại hội nghị nghiệm thu, các chuyên gia phản biện cũng như các ủy viên của Hội đồng đều đánh giá rất cao tính khoa học, tính thực tiễn của đề tài, có hình thức kết cấu phù hợp đạt được mục tiêu đề ra, cũng như sự nghiêm túc trong quá trình tiến hành dự án của nhóm biên soạn.

Để Dự thảo được hoàn thiện và ban hành, các thành viên của Hội đồng cũng đóng góp

thêm một số ý kiến như loại bỏ một số tiêu chuẩn đã quá cũ; bổ sung, viện dẫn thêm các tài liệu mới; sửa đổi một số thuật ngữ; bổ sung thêm phần thi công bê tông phân khối lớn, gạch không nung, sửa đổi lại mô hình hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn...

Kết luận cuộc họp, TS Hoàng Quang Nhu nhất trí với các ý kiến đóng góp của Hội đồng và lưu ý nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu.

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Mai Anh

Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép”

Ngày 24/6/2016 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã có buổi họp nghiệm thu kết quả nghiên cứu của Đề tài biên soạn tiêu chuẩn TCVN “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép” do Viện Khoa học công nghệ xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng điều hành buổi họp.

Báo cáo Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ về kết quả thực hiện đề tài, TS. Nguyễn Nam Thắng - Chủ nhiệm đề tài cho biết, dự thảo tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép” được nhóm nghiên cứu biên soạn dựa trên việc chuyển dịch từ tiêu chuẩn GOST 22904-93 của LB Nga và tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9356:2012, tiêu chuẩn Anh BS 1881: 1988 (Part I). Nội dung của dự thảo tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép” bám sát tiêu chuẩn gốc, có điều chỉnh



TS. Nguyễn Nam Thắng báo cáo kết quả nghiên cứu trước Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng cấu trúc cho phù hợp với quy định của Việt Nam, bao gồm các phần: Phạm vi áp dụng; Thuật ngữ và định nghĩa; Nguyên tắc chung; Thiết bị kiểm tra; Hiệu chuẩn thiết bị; Phương pháp đo; Báo cáo kết quả thử nghiệm; và 02 Phụ lục.

Theo TS. Nguyễn Nam Thắng, dự thảo tiêu chuẩn này quy định phương pháp từ tính để xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép, áp dụng cho các kết cấu bê tông cốt thép, dựa trên nguyên tắc sự tương tác từ trường

hoặc điện từ trường của thiết bị với cốt thép trong bê tông.

Nhận xét về sản phẩm của nhóm nghiên cứu - dự thảo tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép”, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí với mục tiêu và sự cần thiết của việc biên soạn tiêu chuẩn này, đồng thời đánh giá cao sự nghiêm túc của nhóm nghiên cứu trong việc thực hiện đề tài này.

Bên cạnh những ưu điểm của nhóm nghiên cứu trong việc tuân thủ nội dung tiêu chuẩn gốc, chất lượng dịch thuật tốt, đáp ứng yêu cầu đặt ra..., các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng cũng trao đổi và đóng góp một số ý kiến giúp nhóm nghiên cứu hoàn

thiện dự thảo tiêu chuẩn.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng TS. Hoàng Quang Nhu đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của Hội đồng để hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, trong đó lưu ý điều chỉnh phạm vi áp dụng, bổ sung khuyến cáo các hạn chế của phương pháp đo này, bổ sung thêm phần xác định đường kính cốt thép theo TCVN 9356:2012.

Dự thảo tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp từ tính xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và vị trí cốt thép” đã được Hội đồng nghiệm thu thông qua với kết quả xếp loại khá.

Minh Tuấn

Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn TCVN: Kết cấu bê tông cốt sợi thép - tiêu chuẩn thiết kế”

Ngày 24/6/2016 tại Hà Nội, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức buổi họp nghiệm thu các kết quả của Đề tài “Nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn TCVN: Kết cấu bê tông cốt sợi thép - tiêu chuẩn thiết kế” - mã số TC126-14 do Viện Khoa học công nghệ xây dựng chủ trì thực hiện.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS. Lê Minh Long - Chủ nhiệm Đề tài cho biết, bê tông cốt sợi thép đã được ứng dụng từ lâu trên thế giới, với những ưu điểm như nâng cao khả năng chống nứt, độ dai va đập; giảm độ rỗng và co ngót do từ biến; giảm chi phí lao động cho công tác cốt thép; tăng mức độ cơ giới hóa và tự động hóa sản xuất kết cấu. Bên cạnh đó bê tông cốt sợi thép cho phép khả năng sử dụng các giải pháp kết cấu hiệu quả hơn (kết cấu thành mỏng, kết cấu không có cốt thép phân bố). Các nước tiên tiến cũng đã có những tài liệu hướng dẫn, tiêu chuẩn thực hành quy định những nguyên tắc tính toán cho loại kết cấu sử

dụng cốt sợi thép phân tán như Mỹ, châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc.

Theo TS. Lê Minh Long, trong 20 năm trở lại đây, các nhà khoa học của Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về bê tông cốt sợi thép nhằm đưa loại sản phẩm này vào áp dụng ở thị trường Việt Nam, có thể kể đến một số nhóm nghiên cứu chính của Viện KHCN Xây dựng, Viện KHCN Giao thông vận tải, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại Viện KHCN Xây dựng đã nghiên cứu, chế tạo và thử nghiệm thành công các sản phẩm sử dụng cốt sợi thép và bê tông cường độ cao và siêu cao như: Mương dẫn nước nội đồng (với bê tông nền B40), bể nước ngầm, cầu đi bộ cho nông thôn... Tuy nhiên có thể nói, việc ứng dụng công nghệ bê tông cốt sợi thép ở Việt Nam còn khá mới mẻ, chưa được phổ biến do nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó có vấn đề về tính pháp lý của kỹ thuật do thiếu các tiêu chuẩn về thiết kế, thi công và

nghiệm thu các kết cấu bê tông cốt sợi thép.

Với những ưu điểm của bê tông cốt sợi thép và nhằm phổ biến công nghệ bê tông cốt sợi thép ở Việt Nam, Bộ Xây dựng đã giao Viện KHCN Xây dựng chủ trì biên soạn tiêu chuẩn TCVN “Kết cấu bê tông cốt sợi thép - tiêu chuẩn thiết kế” dựa trên tiêu chuẩn cơ sở của LB Nga SP52-104:2006, và có xem xét đến các loại sợi thép theo tiêu chuẩn ASTM820 và EN14889-1:2006.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, nhóm nghiên cứu của Viện KHCN Xây dựng đã tiến hành chuyển dịch tiêu chuẩn Nga SP52-104:2006 và lựa chọn các nội dung phù hợp biên soạn thành dự thảo tiêu chuẩn TCVN “Kết cấu bê tông cốt sợi thép - tiêu chuẩn thiết kế”, trên cơ sở về cơ bản giữ nguyên các nội dung kỹ thuật của tiêu chuẩn gốc và trình bày theo định dạng của tiêu chuẩn Việt Nam. Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này là: Dùng để thiết kế kết cấu bê tông cốt sợi thép với các chức năng khác nhau, làm từ bê tông nặng hoặc bê tông hạt nhỏ có các cấp độ bền chịu nén từ B20 đến B60.

Nhận xét về kết quả của Đề tài, các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng đều thống nhất về sự cần thiết biên soạn tiêu chuẩn này, đồng tình với việc lựa chọn tiêu chuẩn Nga SP52-104:2006 là phù hợp vì hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam trong lĩnh vực kết cấu bê tông, bê tông cốt thép chủ yếu được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn của Nga, bên cạnh đó, tiêu chuẩn SP52-104:2006 là tiêu chuẩn hiện hành của Nga nên đảm bảo được



Toàn cảnh buổi họp

tính cập nhật. Bên cạnh những ưu điểm, các chuyên gia của Hội đồng cũng góp ý cho nhóm tác giả một số vấn đề cần chỉnh sửa, trong đó có các thuật ngữ, hình vẽ...

Phát biểu kết luận buổi họp nghiệm thu, TS. Hoàng Quang Nhu - Chủ tịch Hội đồng đánh giá cao những cố gắng của nhóm nghiên cứu trong việc chuyển dịch có chất lượng tiêu chuẩn gốc, tham khảo các tiêu chuẩn khác và bổ sung thêm phụ lục, đồng thời khẳng định, tiêu chuẩn này được biên soạn là cần thiết, đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Chủ tịch Hội đồng Hoàng Quang Nhu cũng đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của chuyên gia và các thành viên Hội đồng để hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn để trình Bộ làm các thủ tục gửi Bộ KHCN công bố trong thời gian sớm nhất.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài đã được Hội đồng bỏ phiếu thông qua với kết quả xếp loại xuất sắc.

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng nghiệm thu Dự thảo TCVN...:2016 của Hội bê tông Việt Nam

Ngày 27/6/2016, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo TCVN... :2016 về tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép do Hội Bê tông Việt Nam chủ trì biên soạn. TS. Hoàng Quang Nhu

- Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo KS. Trần Quốc Tế - chủ nhiệm dự án: Giải pháp công nghệ đã chứng minh hiệu quả cao tại nhiều quốc gia trên thế giới là tạo tấm

tường rỗng bê tông đúc sẵn cỡ nhỏ theo công nghệ đùn ép. Sản phẩm được làm bằng bê tông không có cốt thép, có các lỗ rỗng xuyên suốt chiều dài tấm (ứng dụng công nghệ đùn ép là một loại hình công nghệ mới) làm tường trong xây nhà và công trình. Sản phẩm có rất nhiều ưu điểm như linh hoạt trong thiết kế và kiến trúc; cách âm cách nhiệt tốt hơn so với vật liệu truyền thống; kết cấu nhẹ hơn giúp giảm các chi phí móng; có thể giảm phần kết cấu cột, dầm, các kết cấu chuyển tiếp; độ chính xác cao về mặt kích thước; tường có khả năng chịu va đập tốt hơn, bảo dưỡng ít hơn... Tại Việt Nam, Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xuân Mai là đơn vị tiên phong ứng dụng công nghệ mới này để sản xuất và áp dụng sản phẩm vào công trình, và đã đạt hiệu quả kinh tế kỹ thuật rất cao. Tuy nhiên, nước ta chưa có tiêu chuẩn riêng cho loại sản phẩm này. Để thống nhất việc quản lý chất lượng sản phẩm, quy trình thi công, việc nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn cho sản phẩm tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép là cần thiết.

Dự thảo tiêu chuẩn gồm hai phần. Tại mỗi phần, ngoài các nội dung về phạm vi áp dụng, thuật ngữ định nghĩa, tài liệu viện dẫn... theo quy định chung của các văn bản tiêu chuẩn hiện hành, nhóm biên soạn còn tập trung đi sâu vào các nội dung chuyên môn. Thực hiện phần 1 “Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép - Các yêu cầu về sản phẩm”, nhóm biên soạn đã tham khảo các tài liệu tiêu chuẩn trong và ngoài nước (Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc), dựa trên các tài liệu về công nghệ sản xuất của nước ngoài kết hợp khảo sát thực tế loại sản phẩm này tại Công ty Xuân Mai (đơn vị tiên phong ứng dụng công nghệ mới này trong sản xuất và áp dụng sản phẩm vào công trình), từ đó đề ra các yêu cầu kỹ thuật (yêu cầu về nguyên liệu, bê tông); yêu cầu ngoại quan, yêu cầu về tính chất cơ lý, độ cách âm không khí, độ chịu lửa... Trong đó, nhóm đã nghiên cứu đề xuất nguyên liệu để sản xuất tấm tường



Toàn cảnh cuộc họp

rỗng bê tông đúc sẵn bao gồm xi măng, cốt liệu thông thường, nước, phụ gia, ngoài yêu cầu thỏa mãn các tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam như TCVN 4506:2012, TCVN 6260:2009 còn có thể tận dụng một số phế thải công nghiệp như mặt đá, xỉ lò cao, xỉ thép... để làm cốt liệu cho sản phẩm này. Do đó, Dự thảo đưa ra quy định thêm về các cốt liệu khác để các nhà sản xuất có thể vận dụng linh hoạt vào sản xuất. Trong các yêu cầu về tính chất cơ lý của sản phẩm, độ hút nước, độ bền treo vật nặng là những tiêu chí quan trọng về mặt thực tế xây dựng tường nhà/ công trình nên được nhóm tác giả chú trọng đề cập, nhằm mục đích chung là đảm bảo độ bền vững của công trình; đồng thời mức chỉ tiêu được khảo sát, nghiên cứu và đề xuất phù hợp với điều kiện sản xuất của các nhà sản xuất tấm tường rỗng trong nước.

Phần 2 “Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép - Thi công và nghiệm thu công tác lắp dựng” quy định các yêu cầu đối với công tác thi công lắp dựng, an toàn lao động, kiểm tra nghiệm thu đối với tường được lắp dựng từ sản phẩm cùng loại. Trên cơ sở quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất, chất lượng sản phẩm của Công ty Xuân Mai, kết hợp tham khảo thêm các tài liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế, các tác giả đã đề xuất những yêu cầu đối với công tác lắp dựng (yêu cầu đối với công tác thi công, đối với việc vận chuyển và xếp dỡ kiện tấm tường rỗng, trắc

đặc và lắp cũ, lắp dựng); cũng như các yêu cầu đối với công tác an toàn lao động khi thi công và công tác kiểm tra nghiệm thu. Theo KS. Trần Quốc Tế, khác với cấu kiện nhà ở tấm lớn, kiện tấm tường thuộc loại cấu kiện nhỏ, có những đặc thù riêng trong thi công, vận chuyển, lắp dựng. Qua khảo sát thi công tấm tường rỗng của công ty Xuân Mai, các tác giả đã đề xuất những quy định cụ thể nhằm đảm bảo an toàn, giảm hư hao sản phẩm, phù hợp với điều kiện hiện có trên các công trường đang thi công xây dựng; và đề xuất các quy định nghiệm thu hạng mục lắp dựng tấm tường rỗng phù hợp với các quy định hiện hành, tính đặc thù của tường làm từ các tấm tường rỗng.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí với tính cấp thiết của TCVN,

và đánh giá Dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn công phu, tuân thủ đúng quy định về kết cấu, bố cục của văn bản tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về thuật ngữ, định nghĩa, về một số nội dung cần bổ sung hoặc lược bỏ, thảo luận chuyên môn cùng nhóm biên soạn để nhóm có cơ sở hoàn thiện Dự thảo.

Kết luận cuộc họp, TS. Hoàng Quang Nhu lưu ý nhóm biên soạn tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng, để Bộ Xây dựng sớm trình Bộ Khoa học - Công nghệ thẩm định và ban hành tiêu chuẩn.

Dự thảo được Hội đồng thông qua, kết quả bỏ phiếu xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội thảo Nghiên cứu phát triển vật liệu kính tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam

Ngày 28/6/2016 tại Hà Nội, Báo Xây dựng phối hợp với Tổng Công ty VIGLACERA - CTCP tổ chức Hội thảo Nghiên cứu phát triển vật liệu kính tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam. Hội thảo có sự tham dự của lãnh đạo Vụ Khoa học Công nghệ và môi trường, Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Kế hoạch tài chính (Bộ Xây dựng) và đông đảo chuyên gia trong nước, quốc tế trong lĩnh vực kính xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Nguyễn Anh Dũng - Tổng Biên tập Báo Xây dựng cho biết: Theo đánh giá của các nhà khoa học, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Do đó, việc sử dụng VLXD tiết kiệm năng lượng trong các công trình xây dựng đang được coi là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu lượng điện năng tiêu thụ cho các công trình, đồng thời bảo vệ môi trường một cách có hiệu quả.

Tham dự Hội thảo, đại diện công ty VON ARDENNE, CHLB Đức cho biết: Việc sử dụng



Ông Nguyễn Anh Dũng - Tổng Biên tập Báo Xây dựng phát biểu khai mạc Hội thảo

kính tiết kiệm năng lượng sẽ mang đến giải pháp tiết kiệm năng lượng hiệu quả nhiều mặt cho công trình xây dựng. Hiện nay, hầu hết các công trình lớn trên thế giới đều sử dụng kính tiết kiệm năng lượng, các nhà đầu tư lớn ở Việt Nam cũng bắt đầu sử dụng VLXD này. Trên thực tế, loại kính này không chỉ mang lại tiện ích tối ưu cho các tòa nhà mà còn mang lại hiệu quả lâu dài cho chủ đầu tư khi tiết kiệm năng



Hội thảo thu hút đông đảo nhà quản lý, doanh nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực kính xây dựng tham dự

lượng điện sử dụng điều hòa lên tới 45%, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng khi giúp ngăn cản gần như tuyệt đối tia tử ngoại có hại cho sức khỏe con người. Ngoài ra, trong quá trình phủ lớp tráng còn có thể thay đổi màu sắc cho kính, đáp ứng yêu cầu đa dạng của các kiến trúc sư và người tiêu dùng.

Kính tiết kiệm năng lượng là loại kính có công năng cao được gia công từ kính phẳng với lớp phủ siêu mỏng trên bề mặt, có khả năng đáp ứng những yêu cầu về tính năng sử dụng, yêu cầu về độ trong suốt và màu sắc của kính, đồng thời có tính năng phản xạ thấp, hệ số dẫn nhiệt nhỏ, dẫn tới giảm thiểu sự truyền nhiệt giữa môi trường bên trong và môi trường bên ngoài qua hệ thống vách kín, từ đó tiết kiệm chi phí năng lượng của hệ thống điều hòa không khí mà vẫn đảm bảo duy trì hiệu quả làm mát vào mùa hè và sưởi ấm vào mùa đông.

Ông Nguyễn Minh Khoa - Giám đốc công ty Kính nổi VIGLACERA cho biết: Với vai trò là nhà sản xuất VLXD hàng đầu ở Việt Nam, VIGLACERA luôn là đơn vị tiên phong trong nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất các loại VLXD. Thực hiện chủ trương của Chính phủ, sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng trong việc tập trung phát triển sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ xanh, thân thiện với môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao,



Chuyên gia của Công ty

VIGLACERA tiếp tục tạo ra bước đột phá trong công nghệ khi đầu tư dự án Dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng đầu tiên tại Đông Nam Á. Đây là dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 13/1/2015 và được Bộ Khoa học công nghệ cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, với quy mô sản xuất 5 triệu m² kính/năm, áp dụng công nghệ tiên tiến của CHLB Đức. Ông Khoa cho biết thêm: Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới sử dụng các sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng được sản xuất theo công nghệ phủ mềm. Vì kính phủ mềm có những tính năng ưu việt hơn rất nhiều so với kính được phủ cứng. Để phù hợp với điều kiện khí hậu của Việt Nam và xu hướng chung của thế giới, VIGLACERA cũng đã sử dụng công nghệ phủ mềm với cả 2 loại kính là Low-E và Solar Control cho Dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng của mình.

Tính năng kính Low-E: Ngăn cản sự truyền nhiệt từ ngoài vào trong và từ trong ra ngoài, giữ cho căn phòng giữ được nhiệt độ ở mức ổn định, giúp giảm năng lượng cho hệ thống làm mát vào mùa hè và sưởi ấm vào mùa đông, phù hợp với khí hậu miền Bắc Việt Nam.

Tính năng kính Solar Control: Với lớp phủ có tính năng kiểm soát năng lượng mặt trời thì khả năng ngăn cản lượng ánh sáng mà mắt thường có thể nhìn thấy từ ánh sáng mặt trời đến 95%. Đối với năng lượng từ ánh sáng mặt trời lên tới

79% và đặc biệt đối với những tia tử ngoại hay còn gọi là tia cực tím (UV) có hại cho sức khỏe con người thì khả năng ngăn chặn lên tới gần như tuyệt đối 99%, giúp tiết kiệm năng lượng làm mát và bảo vệ sức khỏe của mọi người trong tòa nhà, phù hợp với vùng khí hậu nóng, nhiệt đới như miền Nam Việt Nam.

Kính tiết kiệm năng lượng VIGLACERA được sản xuất bằng công nghệ phủ mềm (phủ offline) - Phương pháp phủ dùng công nghệ phun xạ Magnetron trong môi trường chân

không hay còn gọi là phủ hóa hơi vật lý (PVD). Hệ thống lớp phủ gồm các hợp chất siêu mỏng, có khả năng ngăn cản nhiệt độ truyền qua kính, dẫn tới giảm thiểu sự truyền nhiệt giữa bên trong và bên ngoài qua hệ thống vách kính. Từ đó, tiết kiệm chi phí năng lượng của hệ thống điều hòa không khí mà vẫn đảm bảo duy trì hiệu quả làm mát vào mùa hè và sưởi ấm vào mùa đông.

Trần Đình Hà

Tăng cường xử lý tro xỉ làm nguyên liệu sản xuất VLXD

Hiện nay, cả nước có 19 nhà máy nhiệt điện và nhiều nhà máy sản xuất hóa chất, phân bón, luyện thép đang hoạt động. Hàng năm, các nhà máy này đã thải ra môi trường khoảng 11 triệu tấn tro, 5 triệu tấn xỉ đáy lò và khoảng 4 triệu tấn bã thạch cao. Do đó, việc xử lý tro xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất VLXD không nung đang được đặt ra bức thiết.

Trao đổi với chúng tôi vào cuối tháng 6/2016, ông Lê Văn Tới - Vụ trưởng Vụ VLXD cho biết: Những năm qua, các nhà máy nhiệt điện, sản xuất phân bón, hóa chất chưa có ý thức cao trong việc xử lý phát thải, mà thường xử lý phát thải một cách tự phát. Tro xỉ thường được đổ ở trong bãi chứa một cách bừa bãi. Trong khi đó, việc giám sát của các Bộ, ngành có liên quan đối với việc xử lý tro xỉ và thạch cao của các nhà máy này vẫn dừng ở mức độ thấp, chưa thực sự chặt chẽ, quyết liệt.

Theo quy hoạch đến năm 2020, cả nước sẽ còn có thêm nhiều nhà máy nhiệt điện chạy than và nhiều cơ sở sản xuất phân bón. Dự kiến, hàng năm các nhà máy này phát thải 30 - 40 triệu tấn phế thải. Để có thể chứa đủ lượng phế thải đó, cần khoảng 600 nghìn hecta, tức là cứ 4 năm thì sẽ mất diện tích của một xã trung bình.

Trước thực trạng này, ngày 23/9/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định

1696/QĐ-TTg về một số giải pháp xử lý tro xỉ, thạch cao tại các nhà máy nhiệt điện, hóa chất. Mục tiêu của các giải pháp này là xử lý phế thải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất VLXD, cũng như sử dụng trong xây dựng. Các giải pháp này đồng thời giúp giảm diện tích bãi thải; tiết kiệm tài nguyên khoáng sản trong sản xuất VLXD.

Theo ông Lê Văn Tới, Quyết định 1696/QĐ-TTg là một quyết định quan trọng giúp giải quyết các vấn đề tro xỉ đang đặt ra. Bởi vì trước đây, các chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện chạy than, nhà máy phân bón, hóa chất chỉ chú ý đến sản phẩm, trong khi phế thải của nhà máy thì chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, Quyết định 1696/QĐ-TTg đã "cột" trách nhiệm các nhà máy nhiệt điện chạy than, nhà máy phân bón hóa chất phải phân loại, sơ chế đảm bảo đủ tiêu chuẩn sử dụng làm VLXD, nguyên liệu sản xuất VLXD. Theo quy định, nhà máy nhiệt điện mới đầu tư chỉ được sử dụng bãi chứa chất thải trong vòng 2 năm. Các nhà máy được đầu tư trước đó, thì từ nay đến năm 2020 sẽ phải rà soát lại diện tích sử dụng bãi phế thải thừa và cũng chỉ được sử dụng trong 2 năm. Số diện tích dư ra phải được chuyển đổi mục đích sử dụng.

Quyết định 1696/QĐ-TTg là một chế tài

mạnh và hiệu quả. Bởi nếu bãi thải đầy thì nhà máy không thể sản xuất được mà phải dừng sản xuất để xử lý phế thải. Và nếu không có những giải pháp xử lý thì tro xỉ, thạch cao tại các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy phân bón, hóa chất sẽ ngày càng trở thành vấn nạn môi trường lớn.

Cũng theo ông Lê Văn Tới, từ khi Quyết định 1696/QĐ-TTg được ban hành, các Bộ, ngành, địa phương đã vào cuộc. Bộ Công thương (Bộ quản lý chuyên ngành các nhà máy nhiệt điện chạy than, các nhà máy phân bón) đã có những chủ trương, chỉ đạo đối với các nhà máy này. Các Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cũng đã có những giải pháp, chỉ đạo nhất định đối với các đơn vị thành viên trong việc thực hiện quyết định 1696/QĐ-TTg.

Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng cho biết: Ngày 4/5/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định 24a/2016/NĐ-CP quản lý VLXD. Theo đó, những cơ sở sản xuất VLXD thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên sẽ được đưa vào danh mục ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư. Việc quán triệt Nghị định này cùng với Quyết định 1696/QĐ-TTg và Quyết định 567/QĐ-TTg (phê duyệt tiếp Chương trình phát triển VLXD

không nung), đặc biệt là chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng VLXD không nung, hạn chế sử dụng gạch đất sét nung sẽ giúp các doanh nghiệp sản xuất VLXD không nung từ tro xỉ có thêm động lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Ông Lê Văn Tới cho biết thêm: Bộ Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ của mình đã chỉ đạo các đơn vị chức năng, viện nghiên cứu trong ngành, rà soát lại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, trên cơ sở đó xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đầy đủ để ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn hướng dẫn sử dụng tro xỉ, thạch cao từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy sản xuất phân bón làm nguyên liệu sản xuất VLXD, cũng như VLXD sử dụng trong xây dựng...

Bộ Xây dựng đồng thời sẽ xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình khoa học trọng điểm về xử lý tro xỉ, thạch cao tại các nhà máy nhiệt điện, nhà máy phân bón hóa chất. Mục tiêu là tới năm 2020 phải sử dụng được ít nhất 60% phế thải tro xỉ, thạch cao từ những nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất phân bón, hóa chất làm VLXD.

Trần Đình Hà

Nhà thụ động - giải pháp tiết kiệm tích cực

Ý tưởng sở hữu những ngôi nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả hiện nay đang hấp dẫn người dân Nga. Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, các doanh nghiệp và mỗi cá nhân luôn coi trọng vấn đề tài chính, và luôn hướng tới việc làm thế nào để giảm thiểu các chi phí cho dịch vụ công. Passivhaus hay nhà thụ động đáp ứng mong muốn này. Mới đây, trong khuôn khổ triển lãm BATIMAT, Viện nghiên cứu Nhà thụ động của Liên bang Nga (IPD) đã giới thiệu hai ngôi nhà ở đơn lập vừa được hoàn thiện theo nguyên tắc Passivhaus.

“Chiếc bình thủy” hai tầng

Quan trọng nhất trong việc xây dựng một “nhà thụ động” là hình thành lớp “vỏ” cách nhiệt

hiệu quả bao quanh toàn bộ kết cấu nhà. Theo nguyên tắc xây nhà, thất thoát nhiệt qua tường ngoài và mái nhà chiếm hơn 70% tổng nhiệt lượng thất thoát. Kết cấu ngôi nhà được xây tại quận Trekhov là nhà bê tông cốt thép toàn khối, với vật liệu cách nhiệt bên ngoài từ sợi khoáng. Một “bình thủy” trong hình dáng của một căn nhà đơn lập kích thước 9,6 x 9,6 (m) được hình thành sau khoảng thời gian hơn nửa năm. Hình dáng của ngôi nhà như chiếc hộp bằng bê tông cốt thép toàn khối giải quyết vấn đề liên quan tới độ kín khít của các bức tường; cửa sổ sử dụng kính hộp công nghệ cao với chất cách nhiệt argon (Ar).

“Ngôi nhà của Trekhov” là dự án hợp tác



Nhà thụ động tại quận Trekhov (ngoại ô Moskva) giữa IPD (tư vấn thiết kế), Công ty cổ phần mở Interstroy của Nga (nhà thầu) và Tập đoàn Saint Gobain của Pháp (nhà cung cấp công nghệ và vật liệu cách nhiệt). Các vật liệu của Saint Gobain đã tạo nên một lớp vỏ kín cách nhiệt cho công trình, bảo đảm khả năng giữ nhiệt đạt hiệu quả tối ưu cho các kết cấu bao che. Ở dự án này, bông khoáng có sợi thủy tinh trong thành phần ISOVER được ứng dụng. Tầng hầm và mái nhà được giữ nhiệt bằng tấm bọt xốp polystyrene.

Trong điều kiện khí hậu vùng ngoại ô Moskva (tương đồng với các quy định trong tiêu chuẩn “passivhaus”), ngôi nhà có thể tự động gia tăng nhiệt và điều hòa không khí nhờ sự hỗ trợ của các thiết bị thông gió thông khí hiệu suất cao, thu hồi nhiệt tốt. Khi hệ thống vận hành, nhiệt từ không khí được tách ra và chuyển hoá về dòng khí qua một thiết bị trao đổi nhiệt mà các luồng khí tách biệt và không bị pha trộn với nhau. Khi đó, hệ số hoạt động có ích của các thiết bị thu hồi nhiệt sẽ đạt cực cao, dao động trong ngưỡng 75% - 95%. Lượng nhiệt “quay vòng” trong quá trình thu hồi nhiệt rất đáng kể. Trong “nhà Trekhov” còn ứng dụng hệ thống làm lạnh thụ động FREECOOLING, hệ thống giữ nhiệt cho sàn nhà, bơm nhiệt kèm thiết bị thu hồi địa nhiệt (có công năng đồng thời với thiết bị gom nhiệt từ ánh nắng mặt trời). Tất cả được kết nối trong một hệ thống thống nhất, và được điều khiển bằng máy tính.



Nhà khung sườn có tường chèn theo nguyên tắc passivhaus tại quận Mytinski (ngoại ô Moskva)

Ngôi nhà khung có tường chèn

Khung có tường chèn là một dạng kết cấu xây dựng, trong đó lõi chịu lực chính là các thanh dầm xà có độ nghiêng (theo các góc cạnh khác nhau). Các xà dầm này có thể thấy rõ từ phía ngoài một ngôi nhà, và đem đến cho ngôi nhà một diện mạo riêng biệt. Khoảng không giữa các dầm được lấp đầy bằng vật liệu từ đất nện, gạch hoặc gỗ.

Ngôi nhà được xây theo tiêu chí “passivhaus” tại quận Mytinski có bề ngoài trông như một nhà khung có tường chèn điển hình. Ngôi nhà còn được gọi là “nhà khung”, được thiết kế dựa trên các giàn gỗ nhẹ (các giàn này liên kết chặt chẽ với nhau bởi các thanh giằng, và lấp đầy không gian tạo thành phía bên trong khung bằng loại vật liệu “phi truyền thống”. Chiều rộng giàn đối với tường ngoài là 40cm; đối với mái nhà là 50cm. Khung được dựng dựa trên móng cọc và được “bọc” bằng vật liệu đặc biệt. Các nhà thiết kế đã lên những phương án cho vật liệu làm các mặt dựng theo sở thích riêng của từng gia chủ. Với ngôi nhà thụ động đầu tiên thí điểm theo hình thức này, vật liệu là ván ép có các kích thước khác nhau.

Khi ứng dụng thiết kế nhà khung có tường chèn, toàn bộ ngôi nhà được “bọc” bởi một lớp vỏ cách nhiệt tuyệt vời. Bông xenlulose - loại bông sinh thái - là một dạng sợi xenlulose phân tán được chế tạo từ giấy tái chế, bổ sung các

hoạt chất chống cháy và chất khử trùng. Sau đó, khung nhà được “phủ” cả bên trong và bên ngoài, vật liệu là gỗ ép lõi sợi bông xenlulose. Sợi xenlulose sẽ lấp đầy tất cả các khoảng trống được hình thành từ kết cấu khung nhà, tạo nên một kết cấu cách nhiệt rất tốt có độ kín khí tuyệt đối. Đồng thời, bông xenlulose đã qua xử lý bằng công nghệ hiện đại, khó bắt lửa sẽ có các đặc tính khử trùng, an toàn sinh thái, tính dẫn nhiệt thấp. Trong ngôi nhà tại Mytinski cũng ứng dụng hệ thống bơm - tách nhiệt kèm thiết bị thu hồi nhiệt.

Giá thành xây dựng các ngôi nhà theo nguyên lý “passivhaus” cao hơn những ngôi nhà thông thường do sử dụng thiết bị và vật liệu công nghệ cao. Ví dụ: Giá thành mỗi mét vuông “nhà Trekhov” ước khoảng 60 nghìn rúp (xấp xỉ 1000 USD). Tuy nhiên, trong tương lai không xa, nhờ việc tối ưu hóa chi phí, mức giá này có thể giảm đi khoảng 10% - 15%. Bởi vì điều kiện chính để phát triển nhiều hơn nữa những ngôi

nhà dạng này tại Nga hiện nay là giảm giá thành để ngày càng nhiều người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau có thể tiếp cận và sở hữu.

Cần biết thêm rằng “nhà thụ động” giờ đây không còn đơn giản là một công nghệ hay một thương hiệu, mà đã trở thành một tiêu chuẩn sống - trong đó tập hợp các yêu cầu về tính tiện nghi hiện đại, tối thiểu hóa tác động tới môi trường xung quanh, và tính tiết kiệm. Tại Tây Âu, tiêu chí để một ngôi nhà có thể được coi là passivhaus là định mức tiêu hao nhiệt năng cho mục đích sưởi ấm, giữ nhiệt không được vượt quá 15 kw/h đối với mỗi mét vuông nhà trong năm. Ngoài ra, tổng năng lượng nói chung cần cho tất cả các nhu cầu tiêu thụ - sưởi ấm, điện, nước nóng - không vượt quá 120 kw/h/m².

V. Chen

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 15
(ngày 15/4/2016)*

ND: Lê Minh

Hội nghị bàn tròn các đối tác tiềm năng của Dự án cấp nước an toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Ngày 20/6/2016 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Thế giới (WB) đã phối hợp tổ chức Hội nghị bàn tròn các đối tác tiềm năng của Dự án cấp nước an toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đến dự và phát biểu khai mạc Hội nghị.

Hội nghị đã thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà tài trợ, đối tác phát triển quốc tế như Cơ quan Hợp tác Nhật Bản (JICA), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Tái thiết Đức, Cơ quan Hợp tác phát triển Na Uy, Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc, Cơ quan Hợp tác Đức (GIZ)..., các đại sứ quán Hà Lan, Úc, Vương quốc Anh tại Việt Nam.

Hội nghị còn có sự tham dự của đại diện Văn phòng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, các Bộ, ngành Trung ương, Hội Cấp thoát nước Việt Nam, lãnh đạo các địa phương trong phạm vi dự án và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Khu vực ĐBSCL có diện tích khoảng 40.000 km², gồm 13 tỉnh/thành phố với tổng dân số 17,5 triệu người là khu vực đang đối mặt với những tác động cực đoan của biến đổi khí hậu ở quy mô và mức độ lớn nhất so với các vùng khác trong cả nước, trong đó hạn hán, xâm nhập mặn xuất hiện với tần suất và cường độ ngày càng cao hơn, đe dọa nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống dân sinh. Đặc biệt đầu năm 2016, nguồn nước tại 10/13 địa phương bị xâm nhập mặn và nhiễm phèn với tốc độ ngày càng gia tăng, vượt xa các kịch bản dự báo, có tới khoảng 230.000 hộ gia đình bị thiếu nước sinh hoạt; nhiều trường học, trạm xá, khách sạn, cơ sở sản xuất bị thiếu nước ngọt vào thời điểm tháng 4/2016. Để đối phó với tình hình trên, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai đồng bộ, toàn



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì Hội nghị diện nhiều giải pháp để hạn chế các thiệt hại và chủ động ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án cấp nước an toàn vùng ĐBSCL được đề xuất là một trong các giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo an ninh về cấp nước, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường cho các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL trong các giai đoạn phát triển đến năm 2025 và 2030.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, thời gian qua Bộ Xây dựng đã phối hợp với WB và các địa phương nghiên cứu chuẩn bị phương án đầu tư cũng như tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho Dự án cấp nước an toàn vùng ĐBSCL. Các công tác này đã và đang được phối hợp triển khai một cách tích cực và hiệu quả đồng thời với quá trình cập nhật điều chỉnh các quy hoạch. Đây là dự án đầu tiên thực hiện theo quan điểm bảo đảm quy hoạch chung; khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính, do đặc điểm: Diện tích cấp nước lớn, tài nguyên nước ngày càng hạn hẹp, vừa phải đáp ứng nhu cầu trong dài hạn, vừa phải đáp ứng nhu cầu cấp bách về nước sinh hoạt trước mắt; dự án sẽ gặp nhiều thách thức lớn về thu xếp vốn đầu tư, năng lực quản lý, quản trị dự án, bảo đảm tính ổn định và an toàn của hệ thống... trong khi ngân sách của Chính phủ Việt Nam còn hạn hẹp và còn ít kinh nghiệm quản lý.



Ông Ousmane Dione - Giám đốc Chương trình Nước khu vực Đông Á - Thái Bình dương của WB phát biểu chào mừng Hội nghị

Thông qua Hội nghị này, Bộ Xây dựng và WB mong muốn kêu gọi sự hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, đầu tư, quản lý, vận hành, cơ chế chính sách và huy động các nguồn lực từ các đối tác phát triển và nhà đầu tư trong và ngoài nước cho Dự án này.

Phát biểu chào mừng Hội nghị, ông Ousmane Dione - Giám đốc Chương trình Nước khu vực Đông Á - Thái Bình dương của WB cho biết, tầm quan trọng của vấn đề biến đổi khí hậu đã được nhận biết từ hơn 10 năm nay, sẽ có khoảng 18 triệu người vùng ĐBSCL bị ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn. Tuy nhiên, những thách thức đó có thể giải quyết được nếu như có sự phối hợp của tất cả chúng ta.

Ông Ousmane Dione cũng cho biết, WB đang trao đổi với Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính của Việt Nam về một khoản vay 400 triệu USD cho Dự án cấp nước an toàn vùng ĐBSCL, đồng thời cam kết hỗ trợ 7 triệu USD cho công tác chuẩn bị Dự án. Tuy



Toàn cảnh Hội nghị

nhiên, ông Ousmane Dione cũng nhấn mạnh đến vai trò rất quan trọng của các địa phương và người dân trong dự án này.

Tại Hội nghị, các đại biểu tham dự đã nghe Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng giới thiệu về Dự án cấp nước vùng ĐBSCL, những chia sẻ kinh nghiệm và ý kiến trao đổi của đại diện các Bộ, ngành, các nhà tài trợ, những kiến nghị của các địa phương trong phạm vi dự án.

Nhìn chung, đại diện các Bộ, ngành và địa phương đều thống nhất việc triển khai nhanh Dự án trong bối cảnh khu vực ĐBSCL đang bị thiếu nước sinh hoạt do hạn hán và xâm nhập mặn ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, các đại biểu cũng đề nghị nghiên cứu kỹ các giải pháp kỹ thuật; phương án đầu tư; quản lý vận hành các nhà máy nước và hệ thống chuyên tải, phân phối nước; các giải pháp về nguồn vốn... Đại diện các nhà tài trợ, các đối tác phát triển tham dự Hội nghị cũng bày tỏ hết sức quan tâm đến Dự án này.

Minh Tuấn

20 Công trình được nhận Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2015

Ngày 17/6/2016, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng chủ trì Hội nghị Công bố, trao Giải thưởng Công trình chất

lượng cao năm 2015 và phổ biến Thông tư số 04/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định Giải thưởng về chất lượng



Thư trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị
 công trình xây dựng. Hội nghị có sự tham dự của Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Thủy Lệ, đại diện các Bộ: Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và đầu tư.

Phát biểu tại Hội nghị, Thư trưởng Lê Quang Hùng cho biết: Đây là Hội nghị nhằm tôn vinh 20 công trình xây dựng đạt chất lượng cao và các đơn vị có công trình đạt Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2015. Các công trình đạt Giải đã được Hội đồng chấm Giải xem xét, đánh giá kỹ lưỡng, có sự tham gia của các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng, Công đoàn Xây dựng Việt Nam và các địa phương, nơi công trình đó được xây dựng.

Thư trưởng Lê Quang Hùng cho biết, Giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng được Bộ Xây dựng triển khai từ năm 1990, đến nay đã có hàng trăm công trình và các tổ chức, cá nhân được tôn vinh. Trong quá trình đó, hoạt động đánh giá, bình chọn công trình đạt Giải ngày càng được hoàn thiện và nâng cao về mặt pháp lý.

Cũng tại Hội nghị này, Thư trưởng Lê Quang Hùng nêu bật những điểm mới được quy định trong Thông tư số 04/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định Giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng. Theo đó, ngoài Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao còn có Giải thưởng dành cho Gói thầu xây dựng chất lượng cao.



Được sự ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thư trưởng Lê Quang Hùng trao Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho các đơn vị đạt thành tích xuất sắc khi tham dự Giải



Các đơn vị có công trình đạt Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2015 nhận Giấy Chứng nhận Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Huy chương Vàng chất lượng cao

Thông tư số 04/2016/TT-BXD quy định các chủ thể tham gia xây dựng công trình đạt Giải thưởng Công trình chất lượng cao bao gồm: Chủ đầu tư, nhà thầu chính thiết kế, nhà thầu chính thi công xây dựng, nhà thầu giám sát thi công xây dựng được nhận Giấy Chứng nhận Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao. Riêng đơn vị đăng ký được nhận Giấy Chứng nhận Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Huy chương Vàng chất lượng cao.

Bên cạnh đó, theo Thông tư số 04/2016/TT-BXD, các tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng sẽ được hưởng nhiều quyền lợi, ưu tiên như: Được ưu tiên trong quá trình lựa chọn nhà thầu trong

hoạt động xây dựng; được xem xét thưởng hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận trong hợp đồng với chủ đầu tư; được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng; được

hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Trần Đình Hà

Dự án Đầu tư xây dựng Đại học quốc gia Hà Nội nỗ lực bám sát tiến độ

Trao đổi với chúng tôi tại Trụ sở Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ĐHQG Hà Nội vào đầu tháng 6/2016, ông Hoàng Đức Thắng - Giám đốc BQL Dự án cho biết: Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ĐHQG Hà Nội (BQL DA) đã, đang nỗ lực bám sát tiến độ được đề ra cho Dự án. Đến nay, BQL DA đã hoàn thành kiểm đếm, bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) 897,66 ha/1221,73ha (đạt 73,47%). Cùng với đó, Khu TĐC phía Bắc đang được BQL DA trình kế hoạch đấu thầu lên lãnh đạo Bộ Xây dựng, để chuẩn bị thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

Theo báo cáo mới nhất của BQL DA, Dự án Đầu tư xây dựng ĐHQG Hà Nội hiện đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 và lập điều chỉnh các dự án thành phần: Dự án ĐTXD Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung QG-HN02 tại Quyết định 1177/QĐ-BXD ngày 20/11/2013; Dự án ĐTXD Trung tâm Giáo dục Quốc phòng QG-HN04 tại Quyết định 949/QĐ-BXD ngày 25/7/2014; Dự án xây dựng khu Tái định cư QG-HN01 tại Quyết định 1206/QĐ-BXD ngày 30/9/2014; Dự án ĐTXD Trường Đại học Khoa học Tự nhiên QG-HN07 tại Quyết định số 1516/QĐ-BXD ngày 18/12/2014; Trong tháng 11/2014, Ban QLDA đã tổ chức điều chỉnh cục bộ Quy hoạch 1/2000 để triển khai lập Dự án ĐTXD Trường đại học Việt - Nhật và đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại quyết định số 1267/QĐ-BXD ngày 21/10/2014.

Nhờ sự nỗ lực của BQL DA, Dự án Đầu tư



ĐHQG Hà Nội đã khai mạc khóa học GDQP cho hơn 1.000 sinh viên tại khuôn viên Dự án

xây dựng ĐHQG Hà Nội đã hoàn thành, bàn giao cho ĐHQG Hà Nội và đưa vào sử dụng Nhà công vụ số 1 và Khu Ký túc xá số 4. Bên cạnh đó, các tuyến đường số 1,3,4,5 thuộc dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật chung QG-HN02 thực hiện được trên 70% khối lượng; tuyến đường số 11 đã cơ bản được hoàn thành, hiện đang tiến hành quyết toán và thanh lý Hợp đồng; BQL DA đang triển khai gói thầu tuyến kênh mương 1,3,8,9 giai đoạn I.

Thực hiện kế hoạch hành động đã đề ra, BQL DA đang đẩy mạnh kiểm đếm, bồi thường và GPMB toàn bộ diện tích đất xây dựng các dự án giai đoạn I của Đề án (tập trung vào các diện tích ưu tiên triển khai giai đoạn 2016 - 2018); triển khai thi công xây dựng các công trình, hạng mục công trình của dự án Khu tái định cư (QG-HN01) khu phía Bắc để đưa các hộ dân ở trong phạm vi triển khai dự án ra khu tái định cư. Đồng thời tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết một số dự án thành phần: ĐTXD Khu trung tâm (QG-HN03), ĐTXD Khu



Hơn 1.000 sinh viên ĐHQG Hà Nội đã được học tập và sinh hoạt tại Khu KTX số 4 của Dự án ĐTXD ĐHQG Hà Nội

KTX (QG-HN05), ĐTXD Trường ĐH Công nghệ (QG-HN08), ĐTXD Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn (QG-HN09), đồng thời tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết một số dự án thành phần: ĐTXD Khu trung tâm (QG-HN03), ĐTXD Khu KTX (QG-HN05), ĐTXD Trường ĐH Công nghệ (QG-HN08), ĐTXD Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn (QG-HN09).

Giám đốc Hoàng Đức Thắng nhấn mạnh kế hoạch của BQL DA từ nay đến hết năm 2016 là chú trọng phối hợp với UBND huyện Thạch Thất, TP Hà Nội giải quyết các vấn đề còn

vướng mắc trong GPMB của các tuyến đường để thúc đẩy tiến độ; hoàn thành các tuyến đường đang triển khai; thúc đẩy tiến độ ĐTXD các tuyến đường 6,9,12, Trạm biến áp 110kV, đường dây đấu nối và các xuất tuyến cấp (giai đoạn I); ĐTXD Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (QG-HN07); ưu tiên triển khai các công trình đã thống nhất với Đại học Quốc gia Hà Nội như: Hạ tầng kỹ thuật nội khu Zone 4; Trung tâm Nano và năng lượng, Trung tâm Vật liệu (NC1); Khoa Toán cơ tin (HT1); Khoa Vật lý (HT2) và các hạng mục công trình quan trọng khác khi được bố trí vốn.

Nhằm đảm bảo tiến độ Dự án như kế hoạch đã đề ra, ông Hoàng Đức Thắng cho biết, BQL DA rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Chính phủ, lãnh đạo Bộ Xây dựng trong việc bố trí vốn ngân sách triển khai giai đoạn I của Dự án cũng như sự phối hợp chặt chẽ của ĐHQG Hà Nội, UBND huyện Thạch Thất trong công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Trần Đình Hà

Bắc Kinh: Từ nâng cao năng lực quản lý và quy hoạch đô thị đến thực hiện xử lý rác thải sinh hoạt đô thị

Xử lý rác thải đô thị là phản ánh mức độ quản lý và quy hoạch xây dựng đô thị, hay còn thể hiện tình hình quản lý trong đô thị.

Những năm gần đây, do những vấn đề liên quan tới "rác thải bao vây thành phố", hoặc các dự án xây dựng xử lý rác thải, lựa chọn công nghệ xử lý rác... luôn xuất hiện trên các phương tiện truyền thông, so với địa phương khác, tình hình thành phố Bắc Kinh có vẻ khá hơn. Nhưng điểm lại sau lần tổ chức Thế vận hội Olympic năm 2008, lượng rác thải ra nhiều vô kể, trong khi các bãi rác chôn lấp lại rất gần cư dân, nên người dân quyết liệt phản đối những loại hình

thức tổ chức như thế này. Những năm gần đây, sự bức xúc của người dân đã lắng xuống, có lẽ là do 3 nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, chính phủ đầu tư mạnh vào việc xây dựng những dự án xử lý rác thải quy mô lớn; *hai là*, một số nhà máy đốt rác có quy mô lớn, trong quá trình vận hành và xử lý rác thải, các chỉ số kỹ thuật không hoàn toàn được công khai; *ba là*, tình hình ô nhiễm chất lượng nguồn nước dưới những bãi rác được chôn lấp ra sao không ai biết, có tác động tiềm ẩn như thế nào đến môi trường sinh thái của Bắc Kinh, việc này cũng không được công khai và thảo luận. Những dự án được xây dựng cách

xa khu dân cư, sẽ tránh được việc người dân sống trong sợ hãi, tuy nhiên, cùng với việc dân số ngày càng sống tập trung, khu đô thị ngày càng được xây dựng và mở rộng và nhận thức của người dân về môi trường sinh thái ngày một nâng cao, những vấn đề còn tồn tại trong công tác xử lý rác thải đô thị của Trung Quốc nói chung và Bắc Kinh nói riêng, đến nay vẫn chưa quyết liệt trong khâu giải quyết.

I. Xử lý rác thải đòi hỏi phải có năng lực quản lý và xây dựng quy hoạch đô thị

Đô thị hoá của Trung Quốc đang diễn ra ngày càng nhanh, toàn quốc có khoảng hơn 700 triệu dân sống trong khu vực đô thị. Vấn đề “bệnh thành phố” ngày càng bộc lộ rõ nét: Ngoài áp lực công việc và nhà ở ra, vấn nạn ùn tắc giao thông, ô nhiễm không khí cũng đang khảo nghiệm lại những người quản lý đô thị. Do đó, tháng 12/2015, thông qua Hội nghị công tác Trung ương được tổ chức, vấn đề quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị của Trung Quốc được đề cập đến ở vị trí quan trọng nhất.

Năm 2014, sản lượng rác thải sinh hoạt của 244 đô thị lớn và vừa của Trung Quốc vào khoảng hơn 168 triệu tấn. Trong đó có khoảng 10 đô thị có sản lượng khoảng hơn 48 triệu tấn, chiếm 28,7% tổng sản lượng rác thải sinh hoạt đô thị.

Về trình độ xử lý rác thải đô thị, có thể được phản ánh từ lượng rác được thải ra hàng ngày tính trên bình quân đầu người. Năm 2012, lượng rác được thải ra tính trên bình quân đầu người là 1,12kg, trong đó bình quân lượng rác thải tính trên đầu người của Hàng Châu, Thâm Quyến, Hạ Môn cao hơn các khu vực khác, lần lượt là 1,75kg, 1,27kg và 1,21kg, riêng Bắc Kinh không nằm trong danh sách này.

Hiện nay, ở Trung Quốc tuy có các bãi chôn lấp và nhà máy đốt rác, nhưng vẫn thiếu các thông tin công bố tiêu chuẩn, quy định pháp luật liên quan đến nước thải, khí thải. Thông qua lượng rác thải còn tồn đọng trên toàn đất nước Trung Quốc có thể thấy, trải qua 30 năm

công nghiệp hóa và đô thị hóa, rác thải đô thị ở Trung Quốc tích lũy hàng đồng lên tới 70 triệu tấn, chiếm khoảng hơn 80 mẫu đất, những năm gần đây, trung bình tỷ lệ tăng trưởng rác thải hàng năm vào khoảng 4,8%. Trung Quốc có hơn 600 đô thị, ngoài các huyện thị ra, 2/3 đô thị lớn và vừa đều bị rác thải bao quanh, 1/4 đô thị không có nơi thích hợp để đổ đồng rác. Bắc Kinh cũng không ngoại lệ, cùng với việc dân số không ngừng gia tăng, trước năm 2010, hơn 90% rác thải sinh hoạt ở thành phố Bắc Kinh đều được thông qua xử lý bằng phương thức chôn lấp vệ sinh, hàng năm phải chiếm dụng hơn 500 mẫu đất để phục vụ cho việc này. Không chỉ vậy, bãi chôn lấp rác thải của Bắc Kinh cũng đang bị quá tải, khiến cho công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường từ rác thải gặp nhiều khó khăn. Nếu tốc độ tăng trưởng sản lượng rác thải hàng năm là 8%, thì các bãi chôn lấp rác thải hiện có tại các thành phố sẽ sớm phải đóng cửa và phải đối mặt với vấn nạn rác thải bao quanh.

Một đô thị có xanh sạch đẹp hay không, nó không chỉ thể hiện ở diện mạo bên ngoài của thành phố. Nếu suy nghĩ sâu hơn sẽ thấy, một chu kỳ xử lý rác từ lúc rác được thải ra, cho đến khi được thu gom và xử lý, có thể dẫn đến một loạt tác động theo sau nó, đó là phản ánh chất lượng cuộc sống của người dân, phản ánh cả trình độ quản lý trong đô thị. Từ công tác xử lý rác thải đô thị mà nói, ngày càng có lý do để cho rằng, nó tập trung phản ánh trình độ quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị.

II. Những vấn đề và mô hình chủ yếu trong xử lý rác thải đô thị

Nói về rác thải, trong nghiên cứu về nền kinh tế tuần hoàn có câu nói: “Trên thế giới không có rác thải, chỉ có chúng ta đang đặt nguồn tài nguyên nhầm chỗ”.

Do đó, nếu thực hiện thu gom rác thải, chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể, chỉ có kinh tế mới đủ lực để thu hút dòng vốn của xã hội đổ vào, đồng thời sẽ khuyến khích phát

triển các công nghệ mới, kỹ thuật mới và mô hình kinh doanh vận hành mới có liên quan. Như vậy, rác thải có thể được chính quyền địa phương và người dân biến từ gánh nặng thành nguồn tài nguyên hữu ích cho đất nước, ngành công nghiệp xử lý rác thải có thể góp phần tăng chỉ số GDP, tăng việc làm, nguồn thuế. Nhưng điều này đòi hỏi cũng phải trải qua các khâu phân loại rác thải, vận chuyển, và xử lý, giống như cách xử lý rác thải ở Bắc Kinh hiện nay, từ phân loại cho đến khi kết thúc quy trình xử lý, từ khâu lựa chọn quy hoạch, quản lý và công nghệ, đều phải tiến hành điều chỉnh trong khoảng thời gian nhất định.

Trong thực tế, việc xây dựng hạ tầng xử lý rác thải đô thị, người quyết sách của các địa phương chủ yếu cần xem xét các 5 yếu tố sau: *Thứ nhất*, có khả năng khử độc nhanh chóng và

trên quy mô lớn; *Thứ hai*, mức độ hỗ trợ của người dân, tránh những phản ứng dữ dội của cư dân xung quanh; *Thứ ba*, chi phí xử lý phù hợp; *Thứ tư*, tránh chiếm diện tích đất sử dụng quá lớn; *Thứ năm*, quá trình xử lý không được để rủi ro tiềm ẩn đối với môi trường sinh thái về sau. Trong 5 yếu tố này, tất cả đều quan trọng, nhưng nhà quyết sách thường đặt vấn đề kinh phí sang một bên, chủ yếu xem xét tới 2 yếu tố 1 và 2, còn 2 yếu tố sau là 4 và 5, đòi hỏi nhà quyết sách phải có tư duy nhìn xa trông rộng và có tính toàn diện.

Hồng Tú - Khoa Kinh tế, Học viện hành chính Quốc gia

Nguồn: <http://www.zgghw.org> (Trang web

Quy hoạch Trung Quốc ngày 12/4/2016)

ND: Bích Ngọc

Phát triển nhà ở xã hội ở các nước châu Âu

Ở các nước phát triển, chính sách nhà ở xã hội bao gồm việc xây dựng nhà ở cho thuê và xây dựng nhà ở làm sở hữu riêng. Hiện nay, nội dung và chức năng hoạt động của thể chế nhà ở xã hội khác nhau trên khắp châu Âu. Nói chung, nhà ở xã hội được hiểu là nhà ở thuộc sở hữu của chính quyền thành phố, cũng như thuộc sở hữu của các tổ chức phi thương mại như các hiệp hội nhà ở và các hợp tác xã. Hơn nữa nhà ở xã hội còn được xem là các phòng ở trong nhà chung cư và các ô phố nhà ở xã hội riêng biệt được xây dựng trong khuôn khổ của chương trình phát triển đồng bộ khu đất.

Bản chất của nhà ở xã hội là nhà ở cho nhân dân thuê với mức giá thấp hơn so với thị trường, chỉ được dành để phân phối cho một số loại đối tượng cư dân nhất định thêm vào đó chính những người sử dụng nhà ở xã hội giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý nhà ở xã hội. Trong đó việc lựa chọn đối tượng cư dân được nhận nhà ở xã hội được thực hiện theo một quy

trình riêng biệt và rất chặt chẽ, có tính đến thu nhập và chi tiêu của gia đình có ảnh hưởng đến giá trị của tiền thuê nhà.

Các hiệp hội nhà ở giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển và hoạt động của thể chế nhà ở xã hội. Hiệp hội nhà ở là tổ chức tạo lập, sở hữu và quản lý nhà ở xã hội. Mục tiêu chính của các hiệp hội nhà ở là cung cấp chỗ ở cho các hộ gia đình đang có nhu cầu nhà ở. Hiệp hội nhà ở là tổ chức độc lập và thường có các mối quan hệ tương hỗ rất chặt chẽ với chính quyền địa phương và chính phủ trung ương. Mục tiêu và nhiệm vụ cũng như các quyền và nghĩa vụ của hiệp hội nhà ở được xác định phù hợp với pháp luật nhà nước và quan trọng nhất là các trình tự cung cấp kinh phí cho các hoạt động.

Định dạng của hiệp hội nhà ở hình thành vào giai đoạn hiện nay đã trải qua những thay đổi đáng kể so với hình thức ban đầu của tổ chức này. Những người khởi xướng của nhà ở xã hội trong thế kỷ 19 ở châu Âu chủ yếu là

những người sử dụng lao động, các tổ chức từ thiện và các nhóm cư dân có chung lợi ích.

Hình thức tổ chức - pháp lý của hiệp hội nhà ở cho phép xem hiệp hội là tổ chức phi lợi nhuận. Cơ cấu quản lý hiệp hội có hội đồng giám đốc không hưởng lương còn các hoạt động của hiệp hội thì được điều tiết thông qua điều lệ hoạt động do tổ chức này soạn thảo cụ thể. Một số tổ chức còn tham gia các hoạt động kinh tế để có điều kiện bù đắp sự tổn thất do giao nhà ở với các điều kiện xã hội. Một số hiệp hội đã thiết lập sự quan hệ tương hỗ chặt chẽ với chính quyền đô thị, do đó họ có thể được cấp đất miễn phí cho xây dựng nhà ở xã hội, được cấp vốn cho các mục tiêu nhất định và được bảo lãnh trong vay vốn.

Từ năm 1945, nhà ở xã hội do các thực thể địa phương xây dựng đã phát triển trên quy mô lớn hơn dưới sự quản lý của các hiệp hội nhà ở. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu cấp thiết trong việc nhanh chóng bảo đảm nhà ở loại phù hợp điều kiện kinh tế cho cư dân. Đồng thời, ở một số nước đã hình thành tiền lệ, khi các hiệp hội nhà ở phi thương mại đã có một ảnh hưởng đáng kể đến sự đẩy mạnh phát triển nhà ở do nhận được sự hỗ trợ tài chính quan trọng và sự bảo đảm của chính phủ. Sau năm 1980 đã diễn ra sự chuyển đổi trên quy mô lớn quyền sở hữu nhà ở xã hội từ chính quyền đô thị sang các hiệp hội nhà ở. Nguyên nhân chủ yếu là sự thay đổi của các nguồn tài trợ. Đặc biệt, chính quyền địa phương đã chuyển từ hình thức trực tiếp cấp vốn cho nhà ở xã hội sang việc sử dụng các công cụ gián tiếp như ưu đãi cấp đất và bảo lãnh tài chính. Điều đó giúp đẩy mạnh đáng kể hoạt động của bản thân hiệp hội nhà ở trong huy động vốn trước hết là vốn ngoài ngân sách.

Như vậy, cho đến nay, tỷ trọng nhà ở xã hội thuộc sở hữu của chính quyền đô thị đã thay đổi từ mức 100% ở Hungary và Thụy Điển đến 5% ở Đức. Trong đó ở Pháp, Áo và Anh tỷ trọng nhà ở xã hội thuộc sở hữu của đô thị và các

hiệp hội nhà ở đạt mức như nhau. Hà Lan có lịch sử lâu đời phát triển nhà ở xã hội, tuy nhiên sự tăng trưởng của phân khúc nhà ở này diễn ra vào thời gian sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Hiện nay tất cả nhà ở xã hội đều thuộc sở hữu của các hiệp hội nhà ở. Năm 1995, chính phủ ban hành quy định hỗ trợ tài chính cho các hiệp hội nhà ở nhờ đó các hiệp hội đã trở thành tổ chức độc lập về tài chính. Nói chung, các hiệp hội nhà ở giữ vai trò quan trọng trong sự tái sản xuất quỹ nhà ở và quản lý bất động sản nhà ở.

Ở Anh, từ năm 1988 hiệp hội nhà ở là nhà cung cấp chính nhà ở xã hội. Việc cung cấp kinh phí cho xây dựng nhà ở xã hội được thực hiện theo phương thức kết hợp trong đó vốn thuộc sở hữu riêng của các chủ đầu tư xây dựng và huy động vốn từ khu vực tư nhân. Do sự hoạt động hiệu quả của các hiệp hội nhà ở đã diễn ra sự chuyển giao trên quy mô lớn nhà ở xã hội thuộc sở hữu của chính quyền đô thị sang hiệp hội nhà ở và các công ty quản lý.

Nói chung, sự tồn tại của nhà ở xã hội là kết quả của một hệ thống các mối quan hệ tương hỗ giữa các cơ quan chính quyền nhà nước và địa phương, các bên liên quan, các tổ chức tài chính và các chủ sở hữu nhà ở xã hội. Nhà ở xã hội chủ yếu dành cho tầng lớp trung lưu, cũng như các gia đình có thu nhập thấp. Sự phát triển nhà ở xã hội tại các nước phát triển là kết quả triển khai quan điểm của ban lãnh đạo chính trị, theo đó họ cho rằng cộng đồng cần có nguồn cung cấp nhà ở phù hợp điều kiện kinh tế.

Hiệp hội nhà ở là tổ chức có quy mô địa phương, phối hợp hoạt động với các chính quyền đô thị để huy động nguồn lực. Trong quá trình phát triển của bản thân các hiệp hội nhà ở và các thị trường tài chính, các cơ hội vay vốn tư nhân cho sự tiếp tục phát triển của khu vực nhà ở xã hội trở nên nhiều hơn trước. Kết quả là đến nay vai trò của các hiệp hội trong phát triển khu đất và quản lý nhà ở đã được nâng cao hơn. Trong đó mục tiêu quan trọng của hiệp hội vẫn là bảo đảm sự hỗ trợ xã hội cho các đối

tượng cụ thể thuộc các tầng lớp cư dân mà cuộc sống còn gặp khó khăn.

Ở nhiều nước châu Âu, quá trình nhà ở được tích hợp vào các hệ thống hỗ trợ xã hội của công dân. Sự khác biệt duy nhất là một số người đang nhận sự hỗ trợ từ chính quyền thành phố và một số người nhận sự hỗ trợ từ chính phủ liên bang.

Việc khảo sát đối với những đối tượng chính được nhận nhà ở xã hội dẫn đến kết luận rằng việc cấp nhà ở xã hội được thực hiện cùng với việc xem xét thu nhập của hộ gia đình. Ví dụ, ở Áo nhà ở xã hội chỉ cấp cho các gia đình trẻ hoặc người nghỉ hưu bao gồm cả người độc thân. Trong đó nhà ở thuộc quỹ nhà ở của đô thị được cấp cho công nhân và những người thất nghiệp, còn nhà ở thuộc quỹ nhà ở của các hiệp hội nhà ở được cấp cho tầng lớp trung lưu - những người có thu nhập không cho phép mua nhà ở làm sở hữu riêng hoặc thuê nhà ở theo điều kiện thị trường. Tại Đan Mạch, trong số những người được nhận nhà ở xã hội có thiếu niên, những người trẻ tuổi, gia đình và người nghỉ hưu độc thân. Họ là người được nhận trợ cấp xã hội và có thu nhập dưới định mức được quy định.

Xét về tổng thể, khi nghiên cứu các nhóm người được nhận nhà ở xã hội, cho thấy rằng họ có thể là gia đình hoặc người độc thân, những người trẻ tuổi và người cao tuổi. Một trong những điều kiện chính để được nhận nhà ở xã hội là có thu nhập thấp.

Tại Vương quốc Anh, bạn có thể nhận thấy sự đa dạng về các điều kiện được nhận nhà ở xã hội. Quy trình cung cấp kinh phí cho việc xây dựng và trợ giá sinh hoạt được xem là khác nhau tùy thuộc vào hình thức sử dụng nhà ở và thời gian lưu trú. Các chỉ tiêu về nhà ở xã hội cấp cho cư dân tính trên tổng số những người có nhu cầu nhà ở đạt giá trị cao nhất vào năm 1979, khi đó cứ 3 gia đình có nhu cầu nhà ở thì 1 gia đình được bảo đảm nhà ở phù hợp khả năng kinh tế. Hiện nay, số lượng nhà ở xã hội

cho phép bảo đảm ở mức không quá 20% trong tổng số các gia đình đang có nhu cầu nhà ở. Trong đó một nửa số nhà ở xã hội đó được cung cấp làm sở hữu riêng, đó là lý do nảy sinh tình trạng thiếu nhà ở xã hội. Nếu nhà ở được sử dụng dưới hình thức cho thuê thì quỹ nhà ở xã hội nói chung từ năm này sang năm khác sẽ tăng với tốc độ nhanh hơn so với sự gia tăng của số lượng các gia đình có thu nhập thấp. Hiện nay, việc cấp kinh phí cho hoạt động của các hiệp hội nhà ở Vương quốc Anh được bảo đảm ở mức bằng 75% của mức cần thiết cho việc hoàn trả các chi phí quản lý nhà ở xã hội. Trong tương lai việc cấp kinh phí cho các hiệp hội dự định sẽ giảm còn 50%. Tuy nhiên, để duy trì sự ổn định tài chính, vấn đề đang được xem xét đó là mức tiền thuê nhà thu từ những người đang thuê nhà ở xã hội sẽ được thiết lập ở mức cho phép hiệp hội nhà ở có thể hoạt động như một tổ chức không bị thua lỗ. Hoạt động phát triển của các hiệp hội nhà ở được đặc trưng bởi các đặc tính cụ thể. Đầu tư tư nhân vào nhà ở xã hội chỉ có thể được huy động trong những giai đoạn sau của công tác xây dựng và các tổ chức tài chính sẽ là bên cung cấp tín dụng trên giai đoạn đầu tiên. Hiệp hội nhà ở tại Anh hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, họ có thể tạo ra nguồn dự trữ tài chính để khi được vay vốn thì họ cung cấp sự bảo đảm. Đồng thời, hiệp hội nhà ở cũng có thể cung cấp các dịch vụ khác phù hợp với các mục đích theo quy định trong điều lệ hoạt động và trong giới hạn thẩm quyền. Ví dụ, Hiệp hội có thể thành lập các công ty chi nhánh thực hiện các hoạt động kinh doanh, qua đó bù đắp cho số doanh thu không thu được do cung cấp nhà ở phục vụ mục đích xã hội, do đó thể chế nhà ở xã hội vẫn duy trì được. Hiện nay ở Anh có 2 triệu đơn vị nhà ở xã hội, phần lớn trong số đó vốn là nhà ở của đô thị. Mỗi năm được bổ sung thêm 25.000 đơn vị nhà ở. Hiệp hội nhà ở lớn sở hữu 20.000 đơn vị nhà ở xã hội và phạm vi hoạt động trên khắp cả nước. Trong số đó một

số lượng đáng kể là các hiệp hội chuyên ngành quy mô nhỏ và hoạt động chỉ giới hạn trong phạm vi các thực thể địa phương. Thông thường các hiệp hội nhà ở sở hữu nhà chung cư và quản lý các nhà chung cư đó.

Hầu hết các đối tượng được nhận nhà ở xã hội là những người được hỗ trợ nhà ở theo chế độ là đối tượng riêng biệt hoặc tùy thuộc vào mức thu nhập. Giá thuê nhà ở xã hội được xác định trên cơ sở giá trị của tài sản hoặc mức thu nhập của gia đình. Nhìn chung, mức giá thuê nhà ở xã hội là sự chi trả về nhà ở phù hợp với thu nhập của tầng lớp dân cư có thu nhập thấp. Đồng thời có sự gia tăng hàng năm đối với giá thuê nhà ở. Mức tăng này cao hơn từ 1% đến 2% so với giá trị của chỉ số giá bán lẻ. Ví dụ, giá thuê nhà ở xã hội tại London (Anh) bằng khoảng 50% so với giá thị trường. Tại một khu vực khác trong nước giá thuê nhà ở xã hội có thể đạt tới 80% mức giá thị trường. Một trong những định hướng quan trọng cho việc xác định giá thuê nhà ở là mức giá thuê nhà ở cần phải bảo đảm cho các chủ sở hữu nhà ở không bị thiệt hại.

Việc hỗ trợ duy trì các hiệp hội nhà ở được thực hiện có tính đến các chi phí cho việc xây dựng nhà ở xã hội, giá trị tiền thuê nhà ở và đóng góp riêng của hiệp hội. Với mục tiêu giảm chi phí, các hiệp hội nhà ở có thể được cấp đất miễn phí để phát triển nhà ở hoặc theo các điều kiện ưu đãi. Ngoài ra, hiệp hội nhà ở có thể phối hợp cùng với chính quyền đô thị hoặc khu vực tư nhân triển khai thực hiện các dự án lớn. Tham gia xây dựng nhà ở xã hội còn có cả các tổ chức tài chính. Trong đó hiệp hội được vay tín dụng ưu đãi với lãi suất vay ở mức trung bình bằng 30% - 50% của lãi suất do Liên ngân hàng London (London Interbank) áp dụng. Sự mở rộng hoạt động tín dụng của các hiệp hội nhà ở gắn liền với sự tăng trưởng về ổn định tài chính của hiệp hội, mặc dù những hạn chế về thu nhập từ các khoản cho vay gây trở ngại cho sự phát triển trên quy mô lớn. Để nâng cao

năng lực tài chính của mình, các hiệp hội nhà ở áp dụng các hình thức thanh toán tiền thuê nhà ở với mức cao hơn so với mức giá thuê nhà ở xã hội truyền thống, nhưng mặt khác được nhận nhiều ưu đãi hơn so với điều kiện thị trường.

Trong những thập kỷ vừa qua, các nước châu Âu cùng với việc áp dụng kinh nghiệm riêng của mình về phát triển nhà ở xã hội và chính sách nhà ở, đã và đang thực hiện các mô hình tương tác nhà nước và xã hội được xem là tương đối phù hợp với điều kiện mới hiện nay.

Ở Nga, nhà ở xã hội chiếm khoảng 20% quỹ nhà ở. Giá trị này tương ứng với mức trung bình của châu Âu, nhưng bản chất về nguồn gốc của nhà ở xã hội là khác nhau. Cơ chế cơ bản bảo đảm nhà ở tại thời điểm hiện nay là tín dụng thế chấp bất động sản và một số chương trình nhà ở xã hội. Trong điều kiện kinh tế hiện nay được đặc trưng bởi xu hướng giảm sự hỗ trợ vốn của nhà nước cho phát triển nhà ở xã hội, do đó cần thiết tìm kiếm phương pháp tiếp cận mới giải quyết vấn đề này, bao gồm cả việc sử dụng các kinh nghiệm của châu Âu.

Việc khảo sát tổng quan kinh nghiệm châu Âu về phát triển nhà ở xã hội cho thấy rằng các hiệp hội nhà ở là nhà cung cấp nhà ở chính. Đây là loại nhà ở giữ vị trí trung gian giữa nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (trung ương hoặc địa phương) và nhà ở sở hữu tư nhân. Nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài về nhà ở xã hội, cũng như những thành tựu đã đạt được trong quá trình thực thi chính sách nhà ở tại khu vực có thể kết luận rằng để phân khúc nhà ở sở hữu nhà nước và nhà ở xã hội được duy trì và phát triển ở nước Nga cần thiết mở rộng quy mô và hoạt động của nhóm các đối tượng tham gia vào quá trình này.

Khabibulina A.G

Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc xây dựng Kazan (tiếng Nga), số 4/2015

ND: Huỳnh Phước

Quy hoạch quản lý rác thải công trường - Hướng dẫn dành cho nhà thầu xây dựng và khách hàng

Quy hoạch quản lý rác thải công trường là công cụ quan trọng đối với các công ty xây dựng và khách hàng của các công ty này nhằm tăng cường năng lực bảo vệ môi trường, thực thi các quy định kiểm soát và giảm chi phí ngày càng gia tăng trong công tác xử lý rác thải. Tài liệu này trình bày cấu trúc cơ bản nhất của quy hoạch quản lý rác thải công trường và cách các công ty xây dựng có thể tận dụng tối đa quy hoạch đó để cải thiện và quản lý hoạt động của mình trong tất cả các giai đoạn thi công.

Lý do cần phải có quy hoạch quản lý rác thải công trường

Việc quản lý công trường dựa trên quy hoạch quản lý rác thải công trường hiệu quả có thể đem lại cho công ty nhiều lợi ích, bao gồm:

- Kiểm soát tốt những nguy cơ gắn liền với nguyên vật liệu và rác thải trên công trường;
- Xử lý được bất kỳ yêu cầu nào từ các cơ quan, tổ chức bảo vệ môi trường đối với rác thải phát sinh từ công trường;
- Chứng tỏ cho khách hàng thấy công ty của bạn có thể quản lý rác thải, tối thiểu hóa chi phí và nguy cơ gắn liền với rác thải;
- Đáp ứng được các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và môi trường;
- Phù hợp với những yêu cầu của những khách hàng thuộc nhóm khu vực công và khu vực tư nhân;
- Tiết kiệm chi phí bằng cách quản lý tốt hơn công tác cung cấp, lưu trữ, vận chuyển nguyên vật liệu và quản lý tốt hơn lượng rác thải để tái chế và xử lý.

Bất cứ dự án xây dựng nào cũng cần phải xử lý rất nhiều loại rác thải, từ rác thải văn phòng, rác thải nhà ăn tới amiăng và rác thải y tế. Ngoài ra, các dự án còn phải đối phó với vấn đề pháp lý liên quan tới cách thức xử lý rác thải và đối phó với vấn đề chi phí xử lý chất thải gia tăng do có thêm các tiêu chuẩn bảo vệ môi

trường về quản lý chất thải tại công trường.

Chi phí xử lý rác thải ngày càng đắt vì bãi chôn lấp rác thải ngày càng trở nên khan hiếm, mà rác thải lại là nguồn tài nguyên giá trị, nên cần phải có nhiều sáng kiến trong công tác xử lý rác thải cũng như quản lý rác thải hiệu quả hơn.

Hướng dẫn lập Quy hoạch quản lý chất thải công trường

Có 9 bước quan trọng để lập Quy hoạch quản lý chất thải công trường.

Bước 1 - Xác định đối tượng chịu trách nhiệm lập quy hoạch quản lý chất thải công trường và đảm bảo quy hoạch được thực thi. Có thể để nhiều người chịu trách nhiệm trong suốt quá trình lập quy hoạch và thực thi tại công trường. Những người này cần phải ý thức được họ là người chịu trách nhiệm và chịu trách nhiệm về vấn đề gì. Họ cần phải đảm bảo mọi người sẽ tuân thủ và thực thi theo đúng Quy hoạch quản lý chất thải công trường.

Bước 2 - Xác định loại và lượng chất thải sẽ được thải ra trong tất cả các giai đoạn của quá trình thi công.

Bước 3 - Xác định cách quản lý chất thải có tham khảo tháp lựa chọn xử lý chất thải, lựa chọn xử lý tại công trường và ngoài công trường, quan tâm đặc biệt tới việc xác định và quản lý chất thải nguy hại.

Bước 4 - Xác định địa điểm và nhà thầu quản lý chất thải, đảm bảo hợp đồng phù hợp với các quy định pháp luật.

Bước 5 - Tiến hành đào tạo nội bộ và đào tạo nhân viên thầu phụ nếu cần thiết để tất cả đều hiểu các yêu cầu của Quy hoạch quản lý chất thải công trường.

Bước 6 - Lập quy hoạch sử dụng nguyên vật liệu và xử lý chất thải hiệu quả, sớm triển khai thực hiện quy hoạch, lưu ý những khó khăn bắt nguồn từ công trường và địa điểm của công trường. Dựa trên các bước từ 2 đến 6, đặt ra các

chỉ tiêu % cụ thể cho mỗi cách xử lý chất thải và ghi chép vào bảng dữ liệu.

Bước 7 - Xác định lượng và loại chất thải thực và so sánh với Quy hoạch quản lý chất thải công trường để đảm bảo quản lý rác thải theo đúng lộ trình và rút ra bài học để lập Quy hoạch quản lý chất thải công trường tiếp theo.

Bước 8 - Giám sát việc thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải công trường để đảm bảo mọi việc đều diễn ra theo đúng quy hoạch, cần phải điều chỉnh quy hoạch khi có thay đổi, rút ra bài học cho lần sau.

Bước 9 - Tổng kết quá trình thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải công trường khi dự án kết thúc, chia sẻ bài học kinh nghiệm với những người sẽ phải lập hoặc sử dụng Quy hoạch quản lý chất thải công trường, so sánh kết quả đạt được với mục tiêu đặt ra trong Quy hoạch, rút ra bài học kinh nghiệm.

Tất cả mọi người, dù là người xả rác hay

người xử lý rác từ các hoạt động thi công xây dựng, đều phải chịu trách nhiệm pháp lý trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý hoặc tái chế rác thải an toàn. Phải kiểm tra thẩm quyền của đối tượng được bàn giao xử lý rác thải. Khi rác thải được chuyển giao từ người này sang người khác, người tiếp nhận cần phải có văn bản mô tả rác và biên bản bàn giao rác có chữ ký của cả hai bên. Biên bản bàn giao cần có các thông tin: Loại rác thải, số lượng rác thải, vật chứa rác thải, thời gian, địa điểm bàn giao rác thải, tư cách pháp nhân của bên tiếp nhận xử lý rác thải.

Quy hoạch quản lý chất thải công trường sẽ giúp giảm lượng rác thải phát sinh (và giảm chi phí đi kèm). Tuy nhiên, để đạt kết quả tốt nhất, phải công bố rộng rãi quy hoạch. Những người liên quan phải thường xuyên được cập nhật về tiến trình thực hiện quy hoạch.

Mẫu Quy hoạch quản lý rác thải công trường

Mô tả dự án (Ví dụ: Phá dỡ nhà. Xây nhà độc lập gồm 4 phòng ngủ, 2 phòng tắm, diện tích 195 m ²)
Địa chỉ dự án
Địa chỉ số lưu giữ dự án
Ngày lập dự án quản lý rác thải công trường
Ngày bắt đầu dự án
Ngày kết thúc dự án
Thời gian ước lượng
Khách hàng
Nhà thầu chính
Người lập quy hoạch
Giám sát công trình
<p>Quản lý rác thải bên thứ ba</p> <p>Ghi chép rác thải do bất cứ bên thứ ba nào thải ra. Yêu cầu bên thứ ba cung cấp tài liệu chứng minh đã dọn sạch rác thải để đưa vào bản quy hoạch này. Các thông số ước lượng trong bản quy hoạch này cần phải tính cả lượng rác thải của bên thứ ba.</p>
<p>Tối thiểu hóa rác thải</p> <p>Phần này của quy hoạch được dùng để ghi lại các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa lượng rác thải phát sinh trong dự án, phân loại theo:</p> <p>Rác thải cần cách ly trên công trường</p> <p>Vật liệu có thể tái sử dụng (lưu kho và bán lại)</p> <p>Vật liệu có thể tái chế</p> <p>Vật liệu có thể thu hồi</p>

Ước lượng rác thải
 Phần này của quy hoạch được dùng để ước lượng lượng rác thải được thu gom và xử lý trên công trường, theo các hạng mục

Gạch

Số lượng	Tái sử dụng	Tái chế	Tái phục hồi	Vứt bỏ

Gỗ

Số lượng	Tái sử dụng	Tái chế	Tái phục hồi	Vứt bỏ

Kim loại hỗn hợp

Số lượng	Tái sử dụng	Tái chế	Tái phục hồi	Vứt bỏ

Hồ sơ rác thải
 Phần này của quy hoạch được dùng để ghi chép lượng rác thải thực được thu gom và xử lý. Phần này được ghi chép theo tiến độ dự án, cụ thể với từng hạng mục:

Gạch

Ngày	Số vé	Khối lượng	Đơn vị vận chuyển	Công trường	Hành động	Sử dụng
30/01/2012	4	5,0 tấn	ABC 123	Công trường Landfill	Vứt bỏ	
26/01/2012	3	40,0 tấn			Tái sử dụng	Tại công trường
20/01/2016	2	20,0 tấn	ABC 123		Tái phục hồi	Ngoài công trường
16/01/2012	1	9,0 tấn	ABC 123		Tái phục hồi	Ngoài công trường

Gỗ

Ngày	Số vé	Khối lượng	Đơn vị vận chuyển	Công trường	Hành động	Sử dụng
31/01/2012	5	6,0 tấn	ABC 123		Tái phục hồi	

Kim loại hỗn hợp

Ngày	Số vé	Khối lượng	Đơn vị vận chuyển	Công trường	Hành động	Sử dụng
02/02/2012	6	8,0 tấn	ABC 123		Tái phục hồi	Ngoài công trường

Ngày	Số vé	Khối lượng	Đơn vị vận chuyển	Công trường	Hành động	Sử dụng

Tổng quan dự án

Hành động	Tần ước lượng	% ước lượng	Tần thực tế	% thực tế	Chênh lệch	% chênh lệch
Tài sử dụng						
Tài chế						
Tài phục hồi						
Vật bỏ						
Không vật bỏ						
Tổng						

Diễn giải chênh lệch

Diễn giải bất cứ chênh lệch nào trong quy hoạch

Ước lượng tiết kiệm chi phí

Ước lượng chi phí tiết kiệm được nhờ thực hiện và hoàn thành quy hoạch

Nguồn: <http://www.sitewastemanagementplan.com>

ND: Thu Huyền

Trung Quốc cần tăng cường quản lý đô thị để bắt kịp tốc độ phát triển đô thị

Nhà triết học Ai Cập cổ Aristotle đã từng miêu tả về chức năng của đô thị: “Con người vì cuộc sống mà sống tập trung thành đô thị; để có cuộc sống tốt hơn thì sẽ cư trú ở đô thị.” Hội chợ triển lãm thế giới EXPO ở Thượng Hải cũng có một câu đã trở thành khẩu hiệu, “đô thị làm cho cuộc sống càng thêm tươi đẹp”. Cùng với số lượng người dân từ nông thôn lên thành thị ngày càng nhiều, Trung Quốc đang tiến vào thời kỳ đô thị hóa toàn diện một cách nhanh chóng. Ngay sau đó là tốc độ phát triển đô thị ngày càng mạnh, quy mô của đô thị ngày một rộng lớn hơn. Vậy mà nhìn một cách chi tiết hiện trạng của một số thành phố ở Trung Quốc, hình như còn xa mới thấy được những kỳ vọng

tươi đẹp như vậy của con người; kiểm lại ở những sự cố an toàn nghiêm trọng xảy ra ở đô thị như đất lún, tòa nhà bị sụp, những vụ cháy nổ..., tuy nhiên điểm xảy ra sự cố khác nhau có nguyên nhân và tính chất cũng khác nhau, nhưng có một điểm chung đó là công tác quản lý đô thị vẫn còn xa mới có thể theo kịp tốc độ phát triển đô thị. Cần bảo đảm vận hành đô thị một cách an toàn, cần hoàn thiện công tác quản lý đô thị, nhanh chóng bù đắp những điểm yếu trong quản lý xây dựng đô thị.

Cập nhật khái niệm phát triển mới. Khi rất nhiều đô thị luôn phô trương một cách âm ỉ, trong quá trình mưu cầu thực hiện hoài bão cao xa xây dựng một đô thị hùng mạnh, đồng thời

cũng kéo theo rất nhiều căn bệnh đô thị, khi mà chất lượng môi trường và không khí khó có thể thấy được sự tươi mới trong lành nữa, trời xanh mây trắng cũng trở nên hiếm hoi hơn. Tai họa rình rập tới an toàn công cộng ở đô thị ngày càng nhiều, mà cơ hội bảo đảm an toàn lại chưa được toàn diện, xảy ra những sự cố an toàn công cộng ở đô thị ngày càng nhiều hơn, dẫn tới những mối nguy hại lớn đối với tài sản và sinh mạng của con người. Nguyên nhân ở đây là do rất nhiều địa phương vẫn tiếp tục mở rộng mô hình phát triển thâm canh quy mô lớn, tương đối chú trọng đối với quy mô đô thị mở rộng, nhưng lại không mấy chú trọng tới việc nâng cao chất lượng bên trong đô thị. La Mã không phải được hình thành lên sau một ngày, đô thị hóa cũng không thể thực hiện trong một sớm một chiều được. Trong một tiến trình dài thúc đẩy quá trình đô thị hóa loại hình mới, cần loại bỏ những hành động trọng bề mặt mà coi nhẹ bên trong, trọng hình tượng mà coi nhẹ chức năng, trọng khuôn mẫu mà coi nhẹ chi tiết, trọng thời gian nhanh chóng mà coi nhẹ hiệu quả lâu dài; do vậy cần làm cho xây dựng đô thị trở về với vị trí ban đầu, thiết thực giải quyết những vấn đề về phát triển sinh tồn của con người, đời sống làm việc và vui chơi của con người, sức khỏe hạnh phúc của con người.

Tối ưu hóa quy hoạch đô thị. Một số thành phố thường xuyên xảy ra các sự cố an toàn công cộng, không phải là do sai sót của quy hoạch. Ví dụ, quy mô đô thị cần mở rộng, đô thị đến lúc chọn địa điểm quy hoạch, làm thế nào chọn ra biện pháp phòng bị an toàn? Những câu hỏi này đối với rất nhiều địa phương vẫn chưa có câu trả lời. Lại ví dụ, xây dựng mạng lưới ống nước ngầm thiếu sự nhịp nhàng mang tính hệ thống, các cơ quan quản lý về thủy lợi, điện lực, điện tín, khí đốt và cung cấp nhiệt... không có sự liên kết, các nhà cao tầng xây càng ngày càng cao, không thiết kế lối thoát hiểm nên làm cho người dân đi lại thường cảm thấy lo sợ. Qua những kinh nghiệm và bài học

đã cảnh tỉnh con người, đô thị thay đổi có những máy móc chi tiết như thế nào, quy hoạch xây dựng cần đồng thời chú ý nhiều mặt để thống nhất lại, nỗ lực xem xét tới xu hướng phát triển ngày càng phức tạp và nhu cầu lâu dài hơn; làm cho đô thị phát triển có trật tự hơn, an toàn hơn và dễ sống hơn.

Làm cho hoàn thiện công tác giám sát quản lý thường nhật. Ở cấp độ chuyên nghiệp cho dù là quốc gia hay địa phương thì biện pháp quản lý và tiêu chuẩn quản lý an toàn công cộng ở đô thị đều đã cơ bản hoàn thiện, vấn đề chủ yếu là công tác giám sát quản lý thường nhật chưa được tới nơi tới chốn. Phần lớn những sự cố an toàn ở đô thị đều cho thấy, ngoài những nguyên tố tự nhiên không thể thay đổi, gần như tất cả mọi sự cố an toàn đều thuộc sự cố trách nhiệm. Chỉ cần việc quản lý giám sát hàng ngày được thực hiện tốt, kịp thời loại trừ được những rủi ro thì có thể loại trừ được sự cố có thể xảy ra, từ đó tránh xảy ra bi kịch.

Củng cố cơ chế ứng phó. Nhìn từ phạm vi rộng hơn, ở rất nhiều thành phố cơ chế ứng phó lại mang tính tạm thời, mà không phải mang tính lâu bền, trên thực tế của những công tác có liên quan vẫn bị phân tán tới nhiều phòng ban chức năng; phòng ban chức năng có liên quan lại phân chia ra các hệ thống khác nhau và lãnh đạo khác nhau, trong quá trình giám sát quản lý hàng ngày thường xảy ra đấu tranh giữa các đơn vị, tin tức độc hủng, dẫn tới cơ chế ứng phó khó có thể ứng phó kịp. Do đó cần khẩn cấp tăng cường cơ chế xử lý dự phòng an toàn công cộng như: Chính sách xử lý rủi ro, quản lý và chính sách giám sát quản lý, bảo đảm và huy động xã hội, dự phòng nguy cơ, thông tin ứng phó khẩn cấp...; thiết lập hệ thống trách nhiệm quản lý ứng phó của lãnh đạo đảng, chính quyền chủ quản, phân cấp phụ trách...; làm cho hoàn thiện phương thức tổ chức và kết cấu tổ chức quản lý ứng phó như phối hợp toàn diện, phân loại quản lý, phân cấp phụ trách, quản lý theo lãnh thổ, hình thành hệ thống ứng

phó chỉ huy thống nhất, chức năng đầy đủ, ứng phó linh hoạt và vận chuyển có hiệu quả cao; Kiên trì xử lý từ đầu tới cuối, tăng cường điều tra những rủi ro tiềm ẩn, làm cho hoàn thiện hệ thống ứng phó: theo dõi, dự báo, dự cáo và nhanh chóng; hoàn thiện các loại dự án ứng phó, tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên

nghiệp về ứng phó, nâng cao khả năng tránh rủi ro của toàn xã hội.

Dương Minh Sinh

*Theo Tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc số 1/2016*

ND: Khánh Ly

Kinh nghiệm xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tại tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc

Tỉnh ủy, chính quyền tỉnh Tứ Xuyên hết sức coi trọng công tác xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, cụ thể Sở Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn tỉnh Tứ Xuyên luôn kết hợp chặt chẽ việc cải thiện toàn diện môi trường sống cho người dân nông thôn và xây dựng nông thôn mới tươi đẹp, hạnh phúc, đồng thời thúc đẩy công tác xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn nhằm phá vỡ tình trạng “rác thải bao vây nông thôn” đang diễn ra hết sức nổi cộm trong những năm gần đây. Ngày 22/12/2015, trải qua cuộc nghiệm thu về công tác xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, Tứ Xuyên đã trở thành tỉnh đầu tiên được nghiệm thu. Điều này có nghĩa là, vấn đề rác thải sinh hoạt nông thôn trong địa bàn tỉnh Tứ Xuyên đã được giải quyết hiệu quả.

1. Lập kế hoạch xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn

Những năm gần đây, tỉnh ủy, chính quyền tỉnh Tứ Xuyên luôn quán triệt thực hiện theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc vụ viện Trung Quốc, đồng thời căn cứ theo yêu cầu tổng thể về xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa ấm no, giàu đẹp nhằm thúc đẩy cải thiện toàn diện môi trường sống cho người dân nông thôn và tập trung xử lý môi trường nông thôn. Trong phương diện xử lý giảm lượng rác thải, tận dụng tài nguyên hóa và vô hại hóa rác thải sinh hoạt nông thôn, tỉnh cũng đã đạt được những thành quả mang tính giai đoạn. Tỉnh Tứ Xuyên coi xử lý môi trường là nội dung công tác quan trọng của Chính quyền Đảng ủy, đồng

thời chỉ đạo chính quyền các địa phương thúc đẩy trách nhiệm chủ thể trong xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, xác định rõ các cơ quan dẫn dắt, chú trọng sự liên kết giữa các cơ quan liên quan, không ngừng thúc đẩy đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, ổn định đội ngũ bảo vệ và làm sạch môi trường, tăng cường kiểm tra giám sát, phát động quần chúng tham gia, thực hiện xử lý thường xuyên rác thải sinh hoạt nông thôn, tăng cường sức tải cho môi trường nông thôn.

2. Xây dựng cơ chế xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn

Tỉnh Tứ Xuyên luôn coi đô thị và nông thôn là một chỉnh thể thống nhất, đồng thời đưa công tác xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, cải thiện môi trường sống tại nông thôn vào vị trí công tác quan trọng của Chính quyền Đảng ủy. Các lãnh đạo của tỉnh sẽ tổ chức chỉ đạo tỉnh, thành phố, huyện (khu vực) và thị trấn (làng quê) thúc đẩy cơ cấu làm việc, thiết lập cơ chế thúc đẩy công tác xử lý tổng hợp môi trường sống cho người dân tại đô thị và nông thôn.

Căn cứ theo tình hình thực tế, Tỉnh cũng luôn tôn trọng ý nguyện của người dân nông thôn, phát huy sáng tạo các kinh nghiệm xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, tìm tòi các mô hình xử lý rác thải sinh hoạt khác nhau để phù hợp với môi trường sống tại khu vực đồng bằng, miền núi hay khu vực dân tộc...

Tỉnh Tứ Xuyên cũng tăng cường xây dựng pháp chế, đưa công tác xử lý tổng hợp môi trường đô thị nông thôn và xử lý rác thải sinh

hoạt nông thôn vào quỹ đạo pháp chế hóa. Ủy ban Thường vụ tỉnh Tứ Xuyên đã đưa ra “Điều lệ Xử lý tổng hợp môi trường đô thị - nông thôn tỉnh Tứ Xuyên”, thực thi chế độ khu vực trách nhiệm đối với việc xử lý môi trường sống của người dân nông thôn, đưa ra các quy định cụ thể và rõ ràng đối với phương thức thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, về mặt pháp quy đảm bảo công tác xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn được triển khai thống nhất, bền vững và thường xuyên.

3. Nhiệm vụ và mục tiêu chủ đạo trong xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn

Xử lý tổng hợp môi trường đô thị - nông thôn chỉ có khởi điểm mà không có kết thúc. Vì vậy, Chính quyền tỉnh đã xác định rõ cần thực thi trọng điểm “bốn công trình lớn”, cải thiện toàn diện môi trường sống cho người dân nông thôn, nỗ lực thúc đẩy xử lý rác thải nông thôn. *Thứ nhất*, thực thi “công trình nâng cấp xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn”. Bắt đầu từ năm 2016, trong vòng 3 năm, tập trung triển khai công trình nâng cấp xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, đến năm 2018, hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu trước 2 năm. *Thứ hai*, thực thi “công trình nâng cấp xử lý nước thải nông thôn”. Trước hết tiến hành thí điểm, tìm tòi, tổng kết và mở rộng sử dụng các kỹ thuật để không ngừng đẩy mạnh công tác xử lý nước thải nông thôn. Đến năm 2020, thực hiện mục tiêu tập trung xử lý trên 70% nước thải nông thôn. *Thứ ba*, thực thi “công trình xử lý tổng hợp môi trường nông thôn”. Lấy khu vực hành chính cấp huyện là

đơn nguyên, thực thi công trình làm sạch nông thôn, triển khai nạo vét kênh mương, thúc đẩy làm sạch tổng hợp môi trường nông thôn. Đến năm 2020, hoàn thành xử lý tổng hợp môi trường tại 13 nghìn thôn. *Thứ tư*, thực thi “công trình xử lý ô nhiễm nguồn điểm tại nông thôn”. Thực hiện các hạng mục xử lý tổng hợp phân chăn nuôi, giảm lượng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Tới năm 2020, không gia tăng lượng sử dụng thuốc trừ sâu, quy mô hóa việc trồng trọt chăn nuôi và xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải với tỷ lệ đạt trên 85%, thiết lập hệ thống thu gom, vận chuyển rơm rạ hoàn thiện, thúc đẩy tận dụng tổng hợp nguồn rơm rạ.

Tóm lại, tỉnh Tứ Xuyên đã luôn bám sát triết lý phát triển hài hòa, phát triển xanh và bền vững của nhà nước Trung Quốc, nghiêm túc quán triệt tinh thần “Ý kiến chỉ đạo thúc đẩy toàn diện xử lý rác thải nông thôn”, lấy những thành quả đã đạt được để làm động lực và khởi đầu mới cho công tác xử lý môi trường nông thôn tiếp theo. Tỉnh cũng đã sử dụng các biện pháp hiệu quả để tăng cường quản lý chức năng hóa, thúc đẩy đầu tư, xây dựng đội ngũ vững mạnh, tăng cường kiểm tra, giám sát, thúc đẩy việc xử lý rác thải nông thôn chuyển biến từ xử lý hiệu quả sang xử lý hiệu quả dài lâu.

Hùng Nghị Phu

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 3/2016

ND: Kim Nhạn

Một số công trình kiến trúc tháp cổ nổi tiếng ở Trung Quốc

Tháp là một loại hình kiến trúc được truyền từ Ấn Độ vào Trung Quốc, ban đầu nó là nơi được sử dụng để thờ cúng hoặc cất giữ xương phật, tượng phật, kinh phật hay di thể của người tu hành. Sau khi hòa nhập văn hóa truyền thống Trung Quốc, tháp dần dần diễn biến và

phát triển trở thành công trình truyền thống của Trung Quốc với hình thức và phong cách đặc biệt. Người xưa có câu: “Hữu tháp bèn hữu tự” (có tháp là có chùa), chùa chiền phật giáo của Trung Quốc xưa kia đa phần đều lấy “tháp” làm trung tâm. Phật tháp với khối lượng không gian

to lớn đã phá vỡ trình tự không gian trong kiến trúc cổ điển truyền thống, là tượng trưng của cõi Phật linh thiêng.

Trong tiến trình lịch sử, những người thợ thủ công khéo léo của Trung Quốc đã vận dụng các kỹ năng xây dựng lầu, gác, quán vốn có của nước mình để kiến tạo nên vô số loại hình tháp cổ với phong cách đa dạng. Phân tích từ kết cấu hình thái, tháp cổ có nhiều hình dạng khác nhau ví dụ như dạng lầu các, dạng quán các, dạng bảo tọa kim cương... Xét về mặt vật liệu xây dựng, có tháp gạch, tháp gỗ, tháp đá, tháp kim loại, tháp gốm sứ... Về mặt kiến trúc học, do điều kiện địa chất của mỗi khu vực không giống nhau, kỹ thuật xây dựng tháp cũng để cập tới rất nhiều phương diện như cơ học vật liệu, cơ học kết cấu, thổ nhưỡng học, địa chất học... Sau khi bước vào xã hội hiện đại, có tới hàng nghìn tòa tháp có mặt trên khắp đất nước Trung Quốc rộng lớn, về mặt mục đích sử dụng, nó đã dần vượt khỏi những hạn chế của các tháp Phật đơn thuần khi được trao thêm nhiều nội dung hơn. Rất nhiều tháp cổ là bộ phận cấu thành quan trọng của các danh lam thắng cảnh và làm tăng thêm màu sắc tươi đẹp cho những địa danh này. Một số tháp cổ nổi tiếng đã trở thành công trình kiến trúc mang tính biểu tượng của một khu vực, một thành phố. Dưới đây là một số tòa tháp cổ nổi tiếng tại Trung Quốc:

1. Tháp Đại Nhạn

Tháp Đại Nhạn nằm trong khuôn viên chùa Đại Từ Ân, thuộc vùng ngoại ô phía Nam thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Tháp được xây dựng từ năm thứ 3 đời vua Đường Vĩnh Huy để bảo tồn kinh Phật mang về từ Ấn Độ. Tháp có tên Đại Nhạn là do mô phỏng theo hình dáng của tháp Nhạn bên Ấn Độ. Tháp có tổng cộng 7 tầng, cao 64m, là tháp gạch đời nhà Đường có dạng lầu các 4 mặt với quy mô lớn nhất và cổ nhất còn tồn tại của Trung Quốc, đồng thời là công trình kiến trúc mang tính biểu tượng của thành phố cổ Tây An. (Ảnh 1)

2. Tháp Phi Hồng



Ảnh 1



Ảnh 2

Tháp Phi Hồng nằm trong chùa Quảng Thắng, phía Đông Bắc huyện Hồng Động, tỉnh Tây An, Trung Quốc. Tháp được xây dựng vào đời nhà Hán, sau đó được xây sửa vào năm thứ 11 (năm 1516) đời vua Minh Chính Đức và bảo tồn cho tới ngày nay. Do thân tháp có nhiều màu sắc giống như cầu vồng sau cơn mưa cho nên mới có tên “tháp Phi Hồng”. Tháp Phi Hồng là Phật tháp dạng lầu các có chiều cao 47,6m, là tòa tháp gốm sứ hoàn chỉnh nhất, quy mô kiến trúc lớn nhất tại Trung Quốc và là công trình văn vật được bảo vệ trọng điểm tại Trung Quốc. (Ảnh 2)

3. Tháp Tung Nhạc Tự

Tháp Tung Nhạc Tự nằm trong khuôn viên chùa Tung Nhạc, thành phố Đãng Phong, tỉnh Hà Nam, là ngôi tháp gạch cổ nhất còn tồn tại ở Trung Quốc. Tháng 8/2010, tháp Tung Nhạc Tự là một di chỉ được lọt vào “Danh sách di sản Thế giới”. (Ảnh 3)



Ảnh 3



Ảnh 5



Ảnh 4



Ảnh 6

4. Tháp Lục Hòa

Tháp Lục Hòa nằm ở khu vực ven sông Tiền Đường, thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Tháp được xây dựng vào năm thứ 3 đời vua Khai Bảo thời Bắc Tống (năm 970) với chiều cao 60m, tổng cộng có 13 tầng, mặt bằng tháp có dạng bát giác, là kiệt tác nghệ thuật kiến trúc cổ của dân tộc Hán. Tương truyền, Lỗ Chí Thâm và Võ Tông trong “Thủy Hử Truyện” đều tu hành tại tháp Lục Hòa và viên tịch tại đây. Tháp Lục Hòa là một đơn vị bảo tồn văn vật trọng điểm của Trung Quốc, đồng thời là thắng cảnh nổi tiếng của thành phố Hàng Châu. (Ảnh 4)

5. Tháp Khai Phong Thiết

Tháp Khai Phong Thiết nằm trong công viên Thiết Tháp, thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam. Tháp được xây dựng vào năm thứ nhất đời vua Hoàng Hựu, thời Bắc Tống (năm 1049). Do mặt ngoài của tháp được khảm nạm bằng

gốm sứ màu nâu, nhìn xa nó có màu giống màu của sắt, hơn nữa bản thân tháp vững chắc khác thường cho nên tháp có tên là “Thiết Tháp”. Tháp Khai Phong Thiết cao 56,88m, là đơn vị bảo tồn văn vật trọng điểm của Trung Quốc. (Ảnh 5)

6. Tháp Đại Lý Tam

Tháp Đại Lý Tam còn gọi là Sùng Thánh Tự Tam Tháp, nằm ở bên trong chùa Sùng Thánh, thành phố Đại Lý, tỉnh Vân Nam. Tháp được xây dựng vào đời nhà Đường. Ba tòa Phật tháp được xếp thành hình tam giác, đều là các tháp làm bằng gạch rỗng. Tháp lớn có dạng hình vuông 16 tầng, cao 69m. Tháp nhỏ phía Nam, Bắc đều có hình bát giác gồm 10 tầng, cao 42m. Tháp Đại Lý Tam là Phật tháp nổi tiếng tại khu vực Tây Nam Trung Quốc và cũng nằm trong loạt đơn vị bảo vệ văn vật trọng điểm của nước này. (Ảnh 6)

7. Tháp Hoa Nghiêm Tự



Ảnh 7

Tháp Hoa Nghiêm Tự nằm trong chùa Hoa Nghiêm, thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây. Khuôn viên chùa được xây dựng vào năm 1062 đời nhà Liêu, còn tháp Hoa Nghiêm Tự được khôi phục xây dựng dựa theo ghi chép trong “Liêu sử - Địa lý chí” với 3 tầng kết cấu. Hiện tại, tháp Hoa Nghiêm Tự trở thành công trình kiến trúc mang tính biểu tượng của cố đô Đại Đồng. (Ảnh 7)

8. Tháp Lô Phong

Tháp Lô Phong nằm trên núi Đãi Chiếu, bên bờ Tây Hồ, thành phố Hàng Châu, tỉnh



Ảnh 8

Chiết Giang. Tháp được nhiều người biết đến từ truyền thuyết về Bạch nương tử. Tháp Lô Phong cũ bị đổ sập vào năm 1924, sau đó nó được xây dựng lại với phong cách, tỷ lệ và thiết kế giống như tòa tháp được xây dựng lại vào thời Nam Tống. (Ảnh 8)

Uông Hồng Lối

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến Trúc Trung Quốc, số 6/2016

ND: Kim Nhạn

20 CÔNG TRÌNH ĐƯỢC NHẬN GIẢI THƯỞNG CÔNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2015

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2016



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị



Các đơn vị có công trình đạt Giải thưởng Công trình chất lượng cao năm 2015 nhận Giấy Chứng nhận Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Huy chương Vàng chất lượng cao